

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Dịch vụ Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cho gói thầu: "Mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2026" của Bệnh viện đa khoa Hoài Đức.

Kính gửi: Các đơn vị cung ứng dịch vụ Tư vấn đấu thầu

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Căn cứ biên bản họp Hội đồng mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế ngày 08/12/2025 của Bệnh viện đa khoa Hoài Đức về việc thống nhất thuê Dịch vụ Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu cho gói thầu: "Mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2026" của Bệnh viện đa khoa Hoài Đức.

Để có cơ sở xác định giá xây dựng dự toán cho gói thầu Mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2026" của Bệnh viện đa khoa Hoài Đức theo đúng quy định của Luật đấu thầu, Bệnh viện đa khoa Hoài Đức kính mời quý Công ty có đầy đủ tư cách pháp nhân, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tham gia báo giá gói thầu: Mua sắm vật tư, hóa chất, sinh phẩm y tế năm 2026" của Bệnh viện đa khoa Hoài Đức. (Có danh mục chi tiết kèm theo)

Báo giá xin gửi về phòng Vật tư - Thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa Hoài Đức trước 17h ngày 15/12/2025.

Địa chỉ: Thôn Lũng Kênh – Xã Hoài Đức – TP Hà Nội.

Điện thoại: 0973.998.828 (đ/c Phạm Văn Thanh)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, VT-TBYT

GIÁM ĐỐC

Đoàn Thịnh Trường

DANH MỤC

(Kèm theo Thư mời mời báo giá ngày tháng năm 2025)

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KIF	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Băng dính lụa 5 x 5cm	Urgosyal	Băng vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Oxide kẽm không dung môi phù đều. Lõi bằng nhựa liên cảnh bảo vệ. Nguyên liệu từ các nước G7	Urgo Healthcare Products - Thái Lan	1 cuộn/hộp	Cuộn	1,200	33,647	40,376,000	
2	Băng xô y tế 2,5m x 10cm	BCYT	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao Đặc tính: Kích thước: 2,5mx10cm Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Lợi Thành - Việt Nam	10-20 cuộn/túi	Cuộn	10,000	1,061	10,606,667	
3	Băng xô y tế 2,5m x 5cm	BCYT	Nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao Đặc tính: Kích thước: 2,5mx5cm Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Lợi Thành - Việt Nam	10-20 cuộn/túi	Cuộn	10,000	707	7,070,000	
4	Bộ rửa dạ dày kín	BRDD	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa dạ dày bằng một hệ thống khép kín Lâm từ mù cao su tự nhiên Được đóng gói riêng lẻ trong từng túi Dung tích: 50ml	Topcons - Việt Nam	1 bộ/túi	Bộ	20	283,667	5,673,333	
5	Bơm tiêm 50ml	BT50.VHK	- Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 n ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc. - Pit tổng: có khóa bẻ gãy dễ hủy, không cong vênh, không có ba vi. - Nút đẩy có gắn tăng độ ma sát khi tiêm. - Giọng: mềm dẻo, độ đàn hồi cao, bề mặt gioăng nhẵn, di chuyển dễ dàng. - Xy lanh 1ml: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.01ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc. - Xy lanh 5ml: Đầu côn hoặc đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.2ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc.	Tanaphar - Việt Nam	25 cái/ hộp	Cái	4,000	4,242	16,968,000	
6	Bơm tiêm 10ml	BT10.VHK	- Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.01ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc. - Xy lanh 1ml: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.01ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc. - Xy lanh 5ml: Đầu côn hoặc đầu xoắn, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.2ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc.	Tanaphar - Việt Nam	100 cái/ hộp	Cái	80,000	1,114	89,106,667	
7	Bơm tiêm 1ml	BT1.VHK	- Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.01ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc. - Xy lanh 1ml: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.01ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc.	Tanaphar - Việt Nam	100 cái/ hộp	Cái	8,000	718	5,742,667	
8	Bơm tiêm 5 ml	BT5.VHK	- Xy lanh: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.01ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc. - Xy lanh 1ml: Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP) trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vi. Vạch chia dung tích in rõ nét ≤ 0.01ml, không bị mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gắn chốt khóa để tránh rò rỉ thuốc.	Tanaphar - Việt Nam	100 cái/ hộp	Cái	200,000	732	146,433,333	
9	Bông đèn hồng ngoại	BDHN	Dùng cho đèn hồng ngoại chân cao	Greetmed - Trung Quốc	1 cái/ hộp	Cái	20	95,445	1,908,900	
10	Bông hút	10004	Thành phần tối thiểu bằng: 100% bông xơ thiên nhiên, sản xuất theo công nghệ Spunlace nên đảm bảo an toàn với da nhạy cảm. Bông dạng dài, được cuộn thành cuộn chặt, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng.	Bach tuyết - Việt Nam	1kg / túi	Kg	200	176,460	35,292,000	
11	Bông miếng 2 x 2cm x 500g	10206	Thành phần tối thiểu bằng: 100% bông xơ thiên nhiên . Kích thước 2x2cmx500g	Bach tuyết - Việt Nam	500gam/ gói	Kg	200	202,000	40,400,000	
12	Bông miếng 2 x 2cm x 100g	BYT	Bông hút nước: bông xơ thiên nhiên (100% cotton) - Kích thước khoảng: 2cm x 2cm x 100g - Tiết trung bằng khí E.O	Anh Phát - Việt Nam	Túi 100g	Túi	2,000	20,133	40,266,667	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
13	Bột bó liên 10cm x 2,7m	YG.P.O.P-10131	Kích thước 10cm x 2.7m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm máu trắng mịn (thạch cao ≥ 97%, gạc cotton 100%, lõn nhua 4 cánh, 2 cánh phình to ở giữa giúp thấm nước tốt. Khả năng thấm nước tốt, đóng kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 2-5 phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Anji Sunlight Medical Products - Trung Quốc	120 cuộn/ thùng	Cuộn	1,300	12,852	16,707,600	
14	Bột bó liên 7,5cmx2,7m	YG.P.O.P-10121	Kích thước 7,5cm x 2.7m. Sản xuất bởi bột thạch cao được pha lỏng bao phủ hoàn toàn gạc thấm máu trắng mịn (thạch cao ≥ 97%, gạc cotton 100%, lõn nhua 4 cánh, 2 cánh phình to ở giữa giúp thấm nước tốt và giữ băng bootjhaasm nước tốt. Khả năng thấm nước tốt, đóng kết tốt, lớp bột thạch cao sạch sẽ, trơn mịn. Mỗi cuộn được đóng gói riêng biệt trong một túi cách nước. Thời gian đông kết nhanh: khoảng 2-5 phút. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Anji Sunlight Medical Products - Trung Quốc	240 cuộn/ thùng	Cuộn	100	10,667	1,066,667	
15	Clip Titanium	523860	Clip kẹp mạch máu chất liệu Titanium cỡ ML. Dạng chữ V, có cấu tạo rãnh đặc biệt hình tim để bám chắc vào mạch. Clip size ML có độ mở clip: 5.33mm, chiều cao clip: 7.51mm, chiều dài clip khi đóng: 9.27mm. Tiêu chuẩn ISO 13485.	Hudson Respiratory Care Tecate S.de R.L de C.V - Mexico	Vi 10 cái	Cái	150	48,445	7,266,750	
16	Hemolok	544250	Clip kẹp mạch máu chất liệu Polymer cỡ XL. Có gai tích hợp chống trượt và cơ chế khóa đầu clip. Dùng cho mạch máu cỡ 7mm - 16mm. Tiêu chuẩn ISO 13485	Hudson Respiratory Care Tecate S.de R.L de C.V - Mexico	Vi 6 cái	cái	120	97,867	11,744,000	
17	Hemolok - Clip cầm máu liên cán dùng một lần	Clip cầm máu Size 14cm	Clip được làm bằng thép không gỉ chuyên dùng cho y tế. Có thể xoay 2 chiều 360 độ theo tỷ lệ 1:1. đóng mở được nhiều lần. Cấu trúc kẹp hình tam giác giúp ổn định chắc chắn hơn. Hệ thống khoá tay cầm được thiết kế công thái học giúp điều khiển chính xác khi kẹp nhà nhay, dễ dàng tháo kẹp, độ mở Clip ≥ 14mm góc mở 135 độ, có vỏ bọc. Đường kính 2.6mm, Chiều dài 2300mm, Tiêu chuẩn: ISO	Beijing ZKSK Technology Co., Ltd. - Trung Quốc	1 cái/ túi	Cái	70	551,460	38,602,200	
18	Chi Catgut các số (1/0, 5/0)	Suremed - Surechrom	Chỉ dài 75cm, kim tròn, cong 1/2. Chỉ số 1/0, chỉ số 5/0	CPT - Việt nam	12 sợi/ hộp	sợi	100	53,550	5,355,000	
19	Chi Catgut các số (2/0 đến 4/0)	Suremed - Surechrom	Chỉ dài 75cm, kim tròn, cong 1/2. chỉ số 2/0, chỉ 3/0, chỉ số 4/0, Chỉ Carelon (Nylon) số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE đan xen, liên kết chắc chắn tạo thành rào cản vi sinh vật tối ưu đảm bảo vô khuẩn, giữ cho sản phẩm có tuổi thọ và độ ổn định cao. Kim bằng thép 302 phủ mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485	CPT - Việt nam	12 sợi/ hộp	sợi	600	30,300	18,180,000	
20	Chi liên kim Nylon số 3/0	M25E24	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim bằng hợp kim ETHALLOY đầu tròn dài 1.3mm 1/2 vòng tròn. Hệ thống cánh bảo sớm cho phẫu thuật viên là kéo căng đã tải tải đa. Tại nút buộc sợi chỉ sẽ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn	CPT - Việt Nam	24 sợi/ hộp	Sợi	2,200	18,180	39,996,000	
21	Chi phẫu thuật PROLENE các số	W8710		Ethicon - Mỹ	1 sợi/ vi; 12 vi/ hộp	sợi	300	187,667	56,300,000	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
22	Chỉ tiêu nhanh Vicryl số 1.0	W9431	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, lớp vỏ 50% polyglactin 370 & 50% chất bôi trơn Calcium Stearate, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 40 mm, 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.	Jonhson & Johnson Medical GmbH - Đức	1 sợi/ vi; 12 vi/ hộp	sợi	700	106.667	74.666,667	
23	Chỉ tiêu nhanh Vicryl các số 2.0; 3.0; 4.0	W9121	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, bằng hợp kim Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26 mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO	Jonhson & Johnson Medical GmbH - Đức	1 sợi/ vi; 12 vi/ hộp	sợi	400	95.667	38.266,667	
24	Chỉ Vicryl rapide số 2	W9962	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt, bằng hợp kim Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 36 mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Chất liệu bằng nhựa PVC - Ống có thể co giãn, dùng cho máy thở - Đường kính 22mm - Đầu nối 22mmF/15mmF - Được tiết trung bằng khí EO - Kích thước: Chiều dài ≥ 15cm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016 - Cổng lấy khí có nắp đậy	Jonhson & Johnson Medical GmbH - Đức	1 sợi/ vi; 12 vi/ hộp	Sợi	500	123,027	61,513,333	
25	Con sũa máy thở (Ống nối dây thở)	GM-001-017		Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	1 cái/ túi	Cái	100	19,278	1,927,800	
26	Công dụng huyết thanh	HDSC25	Thích hợp cho Máy Hitachi, Chất liệu bằng nhựa PS. Đạt tiêu chuẩn 9001:2015; ISO 13485:2016;	Jiangsu Huida - Trung Quốc	500 cái/ túi	Cái	3,000	606	1,818,000	
27	Đai chấn thương cột sống thắt lưng	290	Kết hợp giữa hệ thống thanh nẹp đàn hồi được uốn theo đường cong cơ thể và chất liệu chun thoáng khí. Hai dây chun ở hai bên có tác dụng bó chặt sản phẩm vào vùng thắt lưng, các cỡ: S, M, L, XL, XXL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 :2016	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	10	144,733	1,447,333	
28	Đai cổ định khớp vai	110, 120	Làm từ đệm mút có lỗ thoáng khí, vải cotton và hệ thống băng nhám dính hình ôm quanh phần xương đòn và nách, các cỡ: XXS, XS, S, M, L, XL, XXL. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 :2016	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ hộp	Cái	10	183,600	1,836,000	
29	Đai số 8 HI	100	Làm từ đệm mút, vải cotton, da, dây đai và băng nhám dính, thiết kế định hình ôm quanh phần xương đòn và nách, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 :2016	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ hộp	Cái	10	104,333	1,043,333	
30	Dao điện dùng 01 lần	CP1001	Chiều dài dây 3m, kiểu giác cầm: giác det 3 chân, 2 nút bấm cắt và cầm máu	Cathay Manufacturing Corp - Trung Quốc	1 cái/ túi	Cái	300	35,873	10,762,000	
31	Đầu cón vàng	HDTE02	Đầu cón vàng dung tích 200 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 2016, CE	Jiangsu Huida - Trung Quốc	1000 cái/ túi	Cái	10,000	54	538,333	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KHI	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
32	Dầu cón xanh	HDTE03	Dầu cón xanh dung tích 1000 ul, có khóa làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; CE	Jiangsu Huida - Trung Quốc	500 cái/ túi	Cái	8,000	96	769,333	
33	Dầu tra tay khoan	Hi-clean Spray	Sử dụng trước khi hấp sấy Bảo quản ở nơi thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp	Clint Metal Enterprise - Đài Loan	550 ml/ Chai	Chai	2	454,350	908,700	
34	Dây chun đồn máu-dây garo	BT3	Bảng thun y tế 3 móc 10x4,5 (độ dài kéo giãn)	An Lành - Việt Nam	1 cái/ gói	Cái	100	14,994	1,499,400	
35	Dây dẫn dịch dùng cho máy truyền dịch	TI*PU200L	Chất liệu Polybutadiene trong suốt, dễ quan sát dịch truyền. Độ bền cao, máy truyền dịch có thể ép lên nhiều ngày mà không bị dập gãy nát, rò rỉ. Sản phẩm Không chứa PVC, DEHP. Loại 20 giot/ 1mL, kích thước lỗ lọc 40µm, chiều dài dây 213 cm. Loại dây chuyên dùng cho máy truyền dịch. Có đường kính ống đồng đều, độ cứng và độ mềm dẻo của dây phù hợp không ảnh hưởng tới áp lực bảo tắc nghẽn đường truyền.	Terumo Medical Products Hangzhou - Nhật	Túi 1 cái	cái	300	33,383	10,015,000	
36	Dây hút nhớt các số	DHN-MPV	Các số 6,8,10,12,14,16. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC cao cấp chuyên cho y tế. Độ dài 500 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	MPV- VN	100 cái/ hộp	Cái	1,500	2,475	3,713,000	
37	Dây máy điện châm	DMDC	Dây dài 1,5m dùng cho máy dùng điện châm	trung Quốc	10 dây/ túi	dây	100	36,333	3,633,333	
38	Dây nối bơm điện	2042	Chất liệu tối thiểu bằng nhựa PVC, không độc hại, không gây sốt, mềm đàn hồi tốt, không Latex, không chứa DEHP, chịu được áp lực cao - Độ dài dây ≥ 75cm, đường kính 1.0mm hoặc 2.5.0mm, 3.0mm hoặc 4.0mm - Đầu nối khóa ren (lure lock), khóa bảo vệ (cap connector), ống chống xoắn. Hai đầu có khóa vặn an toàn. - Sản phẩm được sản xuất bởi cơ sở có chứng nhận quản lý chất lượng ISO 13485:2016, CE - Được tiệt trùng bằng khí EO - Đóng gói: 1 cái/ túi	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co., Ltd/Trung Quốc	25 cái/ túi	Cái	3,200	6,883	22,026,667	
39	Dây nối Oxy 2 đầu	HS-NOXY01	Sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, có chiều dài 2.000mm	Hoàng Sơn - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	100	6,363	636,300	
40	Dây thở oxy 2 nhánh NL, TE	GM-001-003	- Sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh tráng silicon y tế an toàn, tiệt khuẩn, không độc hại - Dây mềm. Thành trong lòng ống dây có hình sao có tác dụng chống không bị tắc nghẽn khi oxy khi ống dây bị để bẹp hay bị gãy gấp. Một đầu gắn phễu, một đầu gắn có 2 nhánh. Chiều dài dây thở oxy 2m. - Tiệt trùng bằng khí EO - Gồm các size : XS, S, L - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; CE; FDA	Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	1 cái/ túi, 100 cái/ thùng	Cái	2,000	5,899	11,797,333	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
41	Dây truyền dịch	AM	Dây dài $\geq 160\text{cm}$ - Kim bướm 1 cánh 22G màu đen. - Thể tích bầu nhỏ giọt: 8,5ml	An Phú - Việt Nam	1 bộ/ túi, 500 bộ/ thùng	Bộ	70,000	4.454	311,780,000	
42	Đề lưỡi gỗ	ĐLG.TNP	Thành phần cấu tạo: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tanaphar - Việt Nam	100 que/hộp	Que	15,000	320	4,800,000	
43	Fuji 9	GC Gold Label Luting & Lining	Xi măng trám răng. Hộp gồm 35g bột và 25g nước	GC - Nhật	35g/lo	Hộp	2	1,956,667	3,913,333	
44	Gạc hút y tế	220000105/PCB A-BN	Gạc hút y tế kích thước 0,80m, 1000m/ kiện - Sản phẩm được dệt bằng sợi bông 100% cotton, không có bụi và sợi lạ. - Được tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố.	Lộc Luyến - Việt Nam	50 tấm x 20 mét/ Kiện 1000m	Mét	12,000	3,950	47,400,000	
45	Gạc TP 10x10x6 lớp	GPTVT4	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngâm nước $\geq 5\text{gr nước/gr gạc}$. Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Tiệt trùng bằng khí EO Gas Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016;	An Lành - Việt Nam	10 miếng/ gói	miếng	70,000	591	41,358,333	
46	Gạc TP 30x40x6 lớp	GPTVTB25	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Trọng lượng 25-27 g/m ² . Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngâm nước $\geq 5\text{gr nước/gr gạc}$. Chất tan trong nước $<0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Tiệt trùng bằng khí EO Gas Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016; FDA, CE	An Lành - Việt Nam	5 miếng/ gói	miếng	4,000	6,659	26,637,333	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
47	Găng tay khám ngắn	N03.06.030	- Chế tạo từ latex cao su tự nhiên hoặc nitrile- Chạm tiết trùng- Sử dụng 1 lần- Thuận cả 2 tay - Bề mặt nhẵn toàn bộ mặt bên ngoài găng hoặc nhám ngón Có phủ bột – ít bột – Không bột - Cờ găng và kích thước: Chiều dài trung bình 1 lớp áp dụng cho các cỡ: Tối thiểu 0.08mm Size X-S: Dài tối thiểu 240mm, rộng 75 ± 5mm; Size S: Dài tối thiểu 240mm, rộng 85 ± 5mm; Size M: Dài tối thiểu 240mm, rộng 95 ± 5mm; Size L: Dài tối thiểu 240mm, rộng 105 ± 5mm; Size X-L: Dài tối thiểu 240mm, rộng ≥ 110mm; - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 11193-1, TCVN 6343-1, ASTM D3578-05, EN 455 ISO 9001:2015, - Bảo quản ở nơi khô ráo thoáng mát, nhiệt độ không cao hơn 37°C, tránh ánh nắng trực tiếp - Hàm lượng Protein tan trong nước Dưới 50µg/dm2 - Lượng bột - Găng có bột ≤ 10mg/dm2. Găng không bột: ≤ 2mg Găng tay được sản xuất từ nguyên liệu cao su tự nhiên ly tâm. Được tiết trùng Kích thước vật lý: Chiều dài: 280 +/-5 mm. Dạng tệp - Kích thước 110mm * 140mm * 142 tờ, loại có dòng kẻ, - Có bao bì bảo vệ - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, CE Kích thước 110 mm (W) x 20 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Công ty CP Merufa-Việt Nam	Hộp 50 đôi	Đôi	200,000	1,715	342,933,333	
48	Găng tay vô khuẩn số 7,0,7,5	N03.06.050	- Kích thước vật lý: Chiều dài: 280 +/-5 mm.	Công ty CP Merufa-Việt Nam	Hộp 50 đôi	Đôi	7,000	4,455	31,185,000	
49	Giấy điện tim 6 căn có dòng kẻ	ACFD110140FI42RS	- Kích thước 110mm * 140mm * 142 tờ, loại có dòng kẻ, - Có bao bì bảo vệ - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485, CE	Tele-Paper (M) Sdn.Bhd - Malaysia	1 tập/ túi, 60 tập/ thùng	Tập	1,200	45,600	54,720,000	
50	Giấy in ảnh siêu âm	UPP-110S	Kích thước 110 mm (W) x 20 m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sony Storage Media Manufacturing Corporation Tagajo Site - Nhật Bản	10 cuộn/hộp	Cuộn	1,000	171,360	171,360,000	
51	Giấy in Monitor sản khoa	Toitu	Giấy in monitor sản khoa kích thước 152 mm x 150 mm x 200 tờ	Tianjin Grand Paper Industry - Trung Quốc	Túi 1 tập	Tập	50	84,840	4,242,000	
52	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt kích thước 57mm dùng cho máy in nhiệt	Hải Anh - Việt Nam	210 cuộn/thùng	cuộn	50	12,726	636,300	
53	Giấy in nhiệt (Dùng cho máy đo chức năng hô hấp)	Giấy in nhiệt	Giấy in nhiệt kích thước 110 mm dùng cho máy in nhiệt	Hải Anh - Việt Nam	60 cuộn/thùng	cuộn	80	21,500	1,720,000	
54	Kẽm oxyd	Zinc Oxide	Zinc oxide tinh khiết dùng trong nha khoa. Dùng kết hợp với dung dịch eugenol.	Prevest Denpro - Ấn Độ	110g/lo	Lọ	1	123,000	123,000	
55	Khẩu trang giấy	Double Safe	Thành phần cấu tạo: Vải không dệt màu xanh, Giấy lọc vi khuẩn khuẩn melblown, Vải không dệt màu trắng, Nẹp mũi bằng nhựa hoặc kẽm bọc nhựa, Dây thun đeo tai, Đạt tiêu chuẩn đạt TCVN 8389-1 : 2010, ISO 13485	Thiên Ân - Việt Nam	50 cái/ hộp	Cái	5,000	743	3,716,667	
56	Khóa ha chạc	9000	Chất liệu Polycarbonate, HDPE, PP. Thể tích tồn đọng ≤ 20ml, chịu áp suất lên tới 72 psi hoặc 5 bar. Tiết trùng bằng EO không độc hại, không pyrogenic, không gây dị ứng, không chứa chất DEHP	Wellmed - Ấn Độ	50 cái/ hộp	Cái	500	4,284	2,142,000	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
57	Kim lấy thuốc các số G18, G25	KT18.TNP; KT20.TNP...	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. - Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gỉ, có nắp chụp kim khí bảo vệ đầu kim tốt. - Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh, không tạp chất bên trong, được phủ Silicone. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, không có độc tố và chất gây sốt.	Tanaphar - Việt Nam	100 cái/ Hộp	Cái	100,000	318	31,833,333	
58	Kim bơm G23	KB	Khử trùng bằng khí E.O. Chất liệu làm thân kim bằng thép không gỉ. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Tanaphar - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	10,000	1,253	12,533,333	
59	Kim cấy chỉ (kim cấy chỉ)	Kim cấy chỉ	Kim cấy chỉ vô trùng dạng vi giấy (dùng cấy chỉ): Kim cấy chỉ không gỉ, kích thước: 0.3*33mm	Changchun Aik Medical Devices - Trung Quốc	5 cái/ vi; 20 vi/ hộp	cái	50	758	37,917	
60	Kim châm cứu số 5, 6	Kim châm cứu	Kim châm cứu vô trùng dùng 1 lần	Changchun Aik Medical Devices - Trung Quốc	10 cái/ túi	Cái	150,000	505	75,750,000	
61	Kim chọc dò gây tê tủy sống G25	4501390-10; 4509900-10; 4507908-10; 4507401-13; 4505905-10; 4503902-10	Kim gây tê tủy sống đầu kim có 3 mặt vát sắc dài 88mm. Thiết kế lăng kính phản quang. Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra. Các số: G18, G20, G22, G25, G27.	B Braun - Nhật Bản	25 cái/ hộp	Cái	100	30,300	3,030,000	
62	Kim luồn các số 18, 20, 22	12004; 12006; 12007	• Kim luồn tĩnh mạch, có cánh, có cửa, 2 đường cân quang • Catheter kháng xoắn ống, chặn bức xạ đặc biệt để dễ truyền với lưu lượng tối ưu. • Kim sắc bén, 3 mặt vát với thiết kế phần lõm đặc biệt trên thân của công nghệ mới Adva Tech. → máu chảy ra tức thời khi chích vào đúng TM (Quick Flashback) • Catheter sản xuất từ nguyên liệu sinh học tương thích cao giúp thời gian lưu kim dài hơn, có khả năng lưu kim từ đến 96h. • Catheter ôm sát thân kim tránh té và dãn khi đi xuyên qua da • Cửa chích thuốc làm trung tâm kim giúp kim không bị dịch chuyển khi bơm thuốc, có van một chiều chất lượng cao tránh xi rỉ dịch, máu. • Dễ sử dụng. • Nguyên liệu FEP • Tiệt trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE • Thông số kỹ thuật: Size kim - lưu lượng chảy 12002- 16G: 1.7x45mm - 200ml/min 12004: 18G: 1.3x45mm - 90ml/min 12006: 20G: 1.1x32mm - 61ml/min 12007: 22G: 0.9x25mm - 36ml/min	Poly Medicure - Ấn Độ	100 cái/ hộp	Cái	15,000	5,555	83,325,000	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
63	Kim tiêm nha khoa	DN*M2721	Kim sắc nhọn nhờ sử dụng công nghệ cắt vát 2 lần. Cờ kim được phân biệt bằng màu sắc. Cờ kim: 27Gx13/16. Quy cách đóng gói: 100 cái/hộp, đóng gói từng chiếc bằng vỏ nhựa cứng đảm bảo an toàn.	Asahidai Factory of Misawa Medical Industry - Nhật Bản	100 cái/ hộp	Cái	1,500	2,448	3,672,000	
64	Lam kính	HD7102; HD7105	size: 25.4x76.2mm, độ dày 1-1.2mm.	Jiangsu Huida - Trung Quốc	72 cái/ hộp	Hộp	50	24,392	1,219,583	
65	Lo đựng phần có nắp đây	PFA0020502	Lo mẫu phần nhựa PP nguyên sinh, không lẫn tạp chất, đảm bảo các lo đồng nhất về kích thước và chất lượng dung tích 60ml. Nắp màu đỏ, có nhãn.	Polygreen - Việt Nam	100 cái/ túi	Cái	10,000	1,783	17,826,667	
66	Lưỡi dao tiểu phẫu các cỡ	KIATO	Chất liệu thép không gỉ, tiết trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22. Tiêu chuẩn ISO 13485	Kehr Surgical Private Limited - Ấn Độ	100 cái/ hộp	cái	2,000	1,345	2,690,667	
67	Mast khí dung các số	GM-001-002	Làm từ nhựa PVC an toàn, không gây kích ứng, bề mặt mềm mại, mịn màng, trong suốt - Thiết kế thích hợp với tất cả các loại máy khí dung - Có dụng cụ chứa thuốc. Dây dẫn chính có chiều dài 2m - Mặt nạ có dây đeo. Bể đựng thuốc từ 2ml -> 6ml. Tốc độ phun sương từ 0.60ml -> 0.70ml/phút. Giọt phun sương từ 0.010ml -> 0.014ml/giọt. - Bao gồm mặt nạ, khí dung, ống oxy, thất lưng đàn hồi, nhôm flake và kết nối. Sản phẩm được dùng để quản lý thuốc cho người bệnh dưới dạng một sương mù hít vào phổi. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE. - Gồm các size : S, M, L, XL.	Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	1 cái/ túi	cái	100	15,743	1,574,290	
68	Mast thanh quản sơ sinh	WH-1040	Mặt nạ thanh quản số 1, dành cho bệnh nhân dưới 5kg	Suzhou Tianping Huachang Medical Instrument - Trung Quốc	1 cái/ gói	Cái	2	296,940	593,880	
69	Mast thở oxy không túi	GM-001-001	- Làm từ nhựa PVC nguyên sinh an toàn dẻo, mềm, trong suốt - Mặt nạ oxy gồm mặt nạ thở oxy có kẹp mũi có thể điều chỉnh và dây thun đeo, dây có chiều dài 2m, ống dây chống vận xoắn - Mặt nạ đơn giản được sử dụng cho các bệnh nhân cần nhiều oxy hơn so với qua ống thông. Tốc độ dòng chảy cho mặt nạ đơn giản là từ 4 đến 8 LPM (4-8L/min) - Tiết trùng bằng khí EO - Gồm các size : XL, L, M, S - Quy cách: 100 cái/ thùng. - Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE	Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	1 cái/ túi; 100 cái/ thùng	Cái	10	15,917	159,167	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
70	Mast thở oxy có túi	GM-001-004	- Làm từ nhựa PVC y tế mềm, trong suốt, dây không bị vặn xoắn - Được thiết kế cho việc truyền khí oxy qua đường miệng với mức độ tập trung oxy cao. Độ tập trung oxy: 95%-100% với dòng chảy oxy là 5- 8l/phút - Là dụng cụ kết nối giữa hệ thống cung cấp khí oxy với bệnh nhân, giúp lượng khí oxy được cung cấp đầy đủ cho người sử dụng. - Mask kèm dây đeo đàn hồi, có túi hít lại; dây nối dài 2m, túi trữ khí 1000ml. Đầu nối tiêu chuẩn. Không Latex - Gồm các size : XL, L, M, S - Quy cách: 100 cái/ thùng, tiệt trùng bằng khí EO, Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016, CE, FDA	Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	1 cái/ túi, 100 cái/ thùng	Cái	150	21,420	3,213,000	
71	Mũ blu giấy	MPT1	- Vải không dệt polypropylen - Màu xanh đồng đều, không loang bấn, ko dính tạp chất. Không kích ứng da 2,9g – 3,8g/ 1cái. - Độ co giãn tốt. Tiệt trùng bằng khí EO Gas.	An Lành - Việt Nam	1 cái/ gói	Cái	5,000	1,060	5,300,000	
72	Nep chấn thương căng tay H5	580, 590	Sản phẩm được sản xuất từ chất liệu vải đặc biệt, vải chịu lực tốt và có lỗ thoáng khí, các thanh nẹp bằng hợp kim nhôm cùng với hệ thống khóa Velcro, các cỡ: S, M, L.	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	10	141,400	1,414,000	
73	Nep chấn thương gói H3	760, 770, 780, 790	Sản phẩm là sự kết hợp của các thanh nẹp hợp kim nhôm định hình, các loại vải đặc biệt, chịu lực tốt và thoáng khí, hệ thống băng nhám dính giúp dễ sử dụng, dễ điều chỉnh. KT 40cm, 50cm, 60cm, 70cm (S, M, L, XL).	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	20	254,520	5,090,400	
74	Nep chống xoay H1 - ngắn	724	Gồm bản nẹp hợp kim nhôm đàn hồi được uốn theo độ cong của bàn chân và căng chân với một bản nẹp hợp kim nhôm đặc biệt, chịu lực tốt xoay ngang có tác dụng chống xoay, sản phẩm được bao bọc bởi đệm mút và vải cotton, cổ định vào chân bởi hệ thống băng nhám dính.	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	20	192,780	3,855,600	
75	Nep cổ cứng H1	010	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 :2016	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	60	121,200	7,272,000	
76	Nep cổ định (Gỗ)	NCD	Chất liệu gỗ KT 60cm	An Bình - Việt Nam	10 cái/túi	Cái	200	47,733	9,546,667	
77	Nep Iselin	821	Có định khớp ngón tay ở vị trí chức năng khi bị chấn thương, có thể uốn theo tư thế điều trị ngón tay.	Công ty TNHH Hameco Hưng Yên - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	50	12,240	612,000	
78	Nhiệt kế	Aurora	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 :2016	Dong-E E-Jiao E-Hua medical Equipment Co, Ltd (Trung Quốc)	12 cái/ hộp	Cái	50	25,704	1,285,200	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
79	Núm giấy điện cực	T716	Sản phẩm được dùng để kiểm tra điện tâm đồ. - Kích thước 4.3 cm x 4.5 cm, Hình Oval. Làm từ vật liệu PE Foam. - Sử dụng phần từ cảm biến Ag/AgCl và Hydro-gel nhằm tạo độ bám dính - Điện cực có thể ứng dụng cho hầu hết các lĩnh vực về ECG - Điện cực cảm biến Ag/AgCl có độ nhay tốt nhất và các hạt kết dính hydro-gel có trở kháng rất thấp. - Các điện cực dùng một lần chất lượng cao với nút điện cực bằng thép không gỉ - Cận bản từ bọt sẽ không còn sót lại trên da bệnh nhân sau khi sử dụng - Tiêu chuẩn ISO 13485	Bio Protect - Trung Quốc	50 cái/ bịch	Cái	1,000	1,803	1,802,667	
80	Ống nghiệm nhựa có nắp đậy nước tiểu	PSN-10	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 16x100mm, nắp trắng, tinh khiết 100%	An Phú - Việt Nam	250 cái/ túi	Cái	45,000	879	39,570,000	
81	Ống nghiệm chống đông Heparin	HL-012	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lồng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương. Kích thước ống 12x75mm, nhãn màu đen	An Phú - Việt Nam	100 cái/ khay	Cái	60,000	875	52,520,000	
82	ống nghiệm EDTA K2 chân không nút cao su	E2-032	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K2 dưới dạng hạt sương. Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 10 phút, nắp màu tím	An Phú - Việt Nam	100 cái/ khay	Cái	60,000	1,606	96,380,000	
83	Ống nghiệm Ependeff	HDCT02	Chất liệu nhựa PP trắng, dung tích mẫu 1.5ml. Chịu được lực ly tâm 16.000 RPM, nhiệt độ hấp (-196 - 121 độ C)	Jiangsu Huida - Trung Quốc	500 cái/ túi	Cái	10,000	267	2,666,667	
84	Ống nghiệm không chống đông nắp đậy có hạt	S-012	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dày kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lồng trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ.	An Phú - Việt Nam	100 cái/ khay	Cái	1,000	796	795,833	
85	Ống nghiệm nhựa 5ml (Ống nghiệm nhựa trắng 5ml)	PSN-5	Ống nghiệm nhựa PS dung tích 5ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	An Phú - Việt Nam	500 cái/ túi	Cái	10,000	405	4,053,333	
86	Ống nối dây máy thở (Theo cỡ máy Vela và Dräger	PS005001; Catheter Mount	Dường kính 22mm. Ống có thể co giãn, có thể kéo dài phù hợp yêu cầu của máy thở, đầu nối 22mmF/15mmF. Đầu ống có lỗ lấy mẫu khí để đo nồng độ khí khi cần thiết. Ống nhựa trong giúp dễ quan sát tình trạng bệnh nhân. Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Suzhou Yudu medical - Trung Quốc	100 cái/ thùng	cái	10	25,250	252,500	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
87	Phim CT Kích thước 35x43cm (14x17")	6707848	Phim X quang 35x43cm (14x17inch) có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt, thang màu xám thích hợp cho sự thay đổi tông màu liên tục của hình ảnh y tế. Phim được thiết kế để sử dụng làm phim chẩn đoán đa năng, ghi lại đầy đủ các hình ảnh từ nhiều phương thức khác nhau bao gồm chụp cắt lớp vi tính, chụp cắt lớp kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang thường quy, chụp X quang kỹ thuật số và hình ảnh số hóa. Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester. Tương thích với các máy in phim Trimax của hãng Carestream, phim có khả năng lưu trữ lên đến hơn 100 năm trong điều kiện nhiệt độ tối đa từ 16-27 độ C và độ ẩm từ 30-50% RH. - Phim được kết hợp với máy in laser Trimax của hãng Carestream Health để kích hoạt tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động (AIQC). - Tương thích với máy in phim Trimax của hãng Carestream Health - AIQC hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng - và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Đạt tiêu chuẩn 13485, FDA	Rayco (Xiamen) Medical Products Company Limited - Trung Quốc	125 tờ/ hộp	tờ	6,000	42,500	255,000,000	
88	Phim kỹ thuật số 8 x 10 inch	6707871	Phim X quang 20x25cm (8x10inch) có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt, thang màu xám thích hợp cho sự thay đổi tông màu liên tục của hình ảnh y tế. Phim được thiết kế để sử dụng làm phim chẩn đoán đa năng, ghi lại đầy đủ các hình ảnh từ nhiều phương thức khác nhau bao gồm chụp cắt lớp vi tính, chụp cắt lớp kỹ thuật số, chụp cộng hưởng từ, y học hạt nhân, siêu âm, chụp X quang thường quy, chụp X quang kỹ thuật số và hình ảnh số hóa. Hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester. Tương thích với các máy in phim Trimax của hãng Carestream Health, phim có khả năng lưu trữ lên đến hơn 100 năm trong điều kiện nhiệt độ tối đa từ 16-27 độ C và độ ẩm từ 30-50% RH. - Phim được kết hợp với máy in laser Trimax của hãng Carestream Health để kích hoạt tính năng kiểm soát chất lượng hình ảnh tự động (AIQC). - Tương thích với máy in phim Trimax của hãng Carestream Health - AIQC hiệu chỉnh máy in Laser để tối ưu hóa chất lượng - và để giúp đảm bảo độ tương phản và mật độ đáp ứng các tùy chọn mà người dùng đặt trước. - Đạt tiêu chuẩn 13485, FDA	Rayco (Xiamen) Medical Products Company Limited - Trung Quốc	125 tờ/ hộp	tờ	50,000	18,033	901,666,667	
89	Phin lọc máy thở	GM-001-010B; Bacterial/Viral Filter	Lọc hiệu quả ≥99.99%. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	1 cái/ túi	Cái	200	25,452	5,090,400	
90	Pin đai máy điện châm	Pin	Pin dùng cho máy điện châm	Panasonic - Nhật Bản	1 đôi/ túi	đôi	48	30,525	1,465,216	
91	Sonde da dây	P4004000; Stomach Tube	Dây có chiều dài 120-125cm, có cán quang suốt chiều dài ống. Được làm từ PVC. Các điểm đánh dấu ở 45 cm, 55 cm, 65cm, 75 cm từ đầu dây đưa vào một cách chính xác. Đoan cuối được thông mở và có dạng tròn với 4 lỗ hai bên. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016/NS-EN ISO 13485: 2016. Số 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18	Suzhou Yudu medical - Trung Quốc	50 cái/ hộp	Cái	600	4,242	2,545,200	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
92	Sone Darin dẫn lưu ổ bụng	DR0507-M-01C; DR0701-M-01C	Chất liệu được làm từ nhựa PVC y tế. Ống dày mềm, dẻo, có tính đàn hồi, đã tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Forte Grow Medical - Việt Nam	100 cái/ hộp	Cái	10	10,233	102,333	
93	Sone đặt nội khí quản (Ống NKQ loại A)	Endotracheal Tubes (With Cuff)	Có bóng và có cán quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016; CE	ZhanJiang Star Enterprise - Trung Quốc	100 cái/ thùng	Cái	200	15,350	3,070,000	
94	Sone Foley 2 nhánh	GM-002-002	- Chất liệu 100% cao su thiên nhiên Dover có phủ Dầu silicone trơn nhẵn, giảm kích ứng và tương thích với cơ thể bệnh nhân, có sợi Chrom tăng cứng - Chiều dài ống 40cm, thành ống dày chống gãy gấp, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. Độ cong thích hợp, trơn láng, không gây kích ứng da, có bóng giữ phù hợp. Sản phẩm được tiệt trùng. - Bóng dung tích 30cc, bóng thiết kế đặc biệt căng đều, dai chống vỡ, van nhựa - Xong 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP gây ung thư, không dị ứng. Lỗ thông tiểu lớn và trơn giúp thông tiểu dễ và nhanh hơn. Valve bơm bóng có lỗ xo: đảm bảo độ ổn định cả khi bơm và xả. Trắng silicone trong lòng ống giúp không bị tắc. - Tiệt trùng bằng khí EO. - Đóng gói 2 lớp túi nilon/chiếc - Tiêu chuẩn: EN ISO 13485:2016, CE - Sonde Foley 2 nhánh số 12-18 FR	Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	500 cái/ thùng	Cái	1,000	12,852	12,852,000	
95	Sone Foley 3 nhánh các số	Foley Catheters (Latex) (3-Way)	Dây có chiều dài 40cm. Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Phủ silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. Tiệt trùng bằng khí E.O. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 16 đến 26; Tiêu chuẩn EN ISO 13485: 2016; CE	ZhanJiang Star Enterprise - Trung Quốc	10 cái/ hộp	Cái	50	16,900	845,000	
96	Sone hút dịch sản khoa	P409031618; Suction connecting tube	Nhựa PVC dùng trong y tế, có 2 đầu nối. Dài 2m, đầu gần tương thích với máy hút dịch tại Bệnh viện. Tiệt trùng bằng khí EO Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Suzhou Yudu medical - Trung Quốc	1 cái/ túi	Cái	300	17,793	5,338,000	
97	Tam bông lấy bệnh phẩm	RY-W001	Cán gỗ, ống nhựa PP, PE, chiều dài =>150 mm, tiệt trùng bằng EO Gas Tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Jiangsu Rongye Technology Co., Ltd. Trung Quốc	100 cái/ túi	Cái	1,000	1,607	1,606,667	
98	Túi Camera	TCMR	Gồm: - Túi nylon: 9x14cm - Ống nylon: 18 x230cm - Dây buộc 2 ly 2x60cm Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas ISO 13485	An Lành - Việt Nam	1 cái/ gói	Cái	100	6,893	689,333	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
99	Túi đựng nước tiểu	GM-002-006	Được làm bằng vật liệu nhựa PVC trắng tráng Silicon dẻo dai và kín. Van xả một chiều chữ T, tuyệt đối không rò rỉ - Có gắn phụ kiện khóa túi, khóa van ¼ vòng, dây dẫn dài 90cm có van chống trào ngược và có nắp đậy, đường kính ngoài 6.8mm, đường kính van tháo dịch 9.2 mm - Tính năng chống trào ngược có lỗ treo, không gây độc hại không gây kích ứng các vach chia dung tích đều, có lỗ treo túi và băng ghi thông tin bệnh nhân - Dung tích Túi 2000 ml, có vach chia thể tích/25ml; Kích thước túi dài 28 cm, rộng 20 cm - Được tiệt trùng bằng khí EO	Ningbo Great Mountain Medical Instruments - Trung Quốc	250 cái/ thùng	Cái	600	5,950	3,570,000	
100	Bơm 20ml	BT20.VHK	- Xy lanh 20ml: Đầu côn lệch tâm, sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh Polypropylen (PP), đầu trượt, trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vach chia dung tích in rõ nét, không bị nhòe mờ khi sử dụng. Vị trí đặt 2 ngón tay có gờ làm tăng độ bám chắc khi tiêm. Dung tích chia độ tổng cộng ≥ 20ml - Pit tổng: có khóa bẻ gãy để hủy, không cong vênh, không có ba vĩa, đi chuyên trơn, nhẹ. Nút đẩy có gờ tăng độ ma sát khi tiêm. - Giường: mềm dẻo, độ đàn hồi cao, bề mặt giường nhẵn, phẳng, đi chuyên để dàng tạo được độ kín- khít giữa pit tổng với xy lanh nền khí và dung dịch tiêm không lọt qua được giường. - Kim làm bằng thép không gỉ ma Crom hoặc Niken. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn, không gờ. Thân kim nhẵn, tròn đều, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh. Không tạp chất bên trong, được phủ Silicon. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Nắp chụp kim khít bảo vệ đầu kim tốt. + Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) + Vô trùng - không độc - không buốt - không gây sốt - không DEHP	Tanaphar - Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	15.000	2.230	33,450,000	
101	Giấy đa năng	Giấy đa năng	Dạng vải không dệt	Việt nam	Bịch 200 tờ	Bịch	10	106,333	1,063,333	
102	Gạc cấu (cắm máu sau nhổ răng)	Vật liệu cắm máu	Xốp cắm máu trong nha khoa kích thước 10x10x10mm	MASCIA BRUNELLI SPA - Ý	Hộp 24 miếng	Miếng	200	29,694	5,938,800	
103	Bơm 1ml trắng heparin	051146020	Loại thu mẫu: Động mạch và tĩnh mạch Đã tráng Heparin Loại chế phẩm: Heparin cân bằng canxi dạng phun khô trên thành ống Nồng độ chuẩn bị: 50 IU/ ml máu Kích thước: - Thể tích mẫu: 1ml - Đường kính: 11 mm - Chiều dài tính cả nắp: 82 mm - Chiều dài không tính nắp: 66mm Chất liệu ống: Nhựa PP Thân bơm có chia vach Sử dụng 01 lần, Đã tiệt trùng Kim tiêm: (Mua trong nước) -Kim bằng thép không gỉ - Kích cỡ 25G; đường kính 0.5mm, chiều dài 16mm	Sarstedt - Đức	100 cái/ hộp	Cái	200	21,210	4,242,000	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
104	Phin lọc cho máy đo chức năng hô hấp	Filter lọc khuẩn cho đường thở	Filter lọc khuẩn cho đường thở được sử dụng để lọc vi khuẩn, vi rút, các hạt li ti trong máy thở, máy gây mê và để tăng độ ẩm khí thở. Ngoài ra có thể được sử dụng với máy đo chức năng hô hấp để lọc vi khuẩn từ bệnh nhân	Ningbo Boya Medical Equipment Co., Ltd. - Trung Quốc	Túi 1 cái	Cái	150	37,485	5,622,750	
105	Ông thổi cho máy đo chức năng hô hấp (Buồng đệm khí dung van 2 chiều)	buongdemkhidung	Buồng đệm khí dung được làm từ polymer chống tĩnh điện nhằm làm giảm sự hấp thụ thuốc lên thành thiết bị, giúp lượng thuốc được hít vào phổi nhiều hơn Dung tích buồng đệm 220ml Thiết bị phù hợp cho mọi lứa tuổi Thành phần cấu tạo: - Băng: Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước - Đệm thấm dịch: Màng trắng, gồm bông và phủ bởi lớp chống dính Polyethylene không gây dính - Keo: Oxyd kẽm không dung môi, băng keo thông thoáng, độ dính cao, co giãn tốt, keo phủ đều xung quanh gạc, không gây kích ứng da Đóng gói: Mỗi miếng đựng trong một bao riêng Kích thước: 19 mm x 72 mm (rộng x dài) Kim đầu cong Tuohy G18 dài 80mm gây tê ngoài màng cứng, đầu cong có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. - Catheter bằng polyamid trong suốt, dài 1000mm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc, thân catheter mềm dẻo, chống gấp - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoảng ngoài màng cứng dễ dàng và chắc chắn - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2µm, tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn, tấm dán cố định bộ lọc - Có đầy đủ bơm tiêm và kim chọc thuốc	BioHealth - Trung Quốc	Túi 1 cái	Cái	10	287,850	2,878,500	
106	Băng keo cá nhân	BD.19 UGT		Tanaphar - Việt Nam	Hộp 102 miếng	Miếng	80,000	294	23,546,667	
107	Bộ gây tê ngoài màng cứng	4514211		Bbraun - Malaysia	Hộp 10 bộ	Bộ	10	324,633	3,246,333	
108	Van khí nước	Van khí nước	Van khí nước tương thích với hệ thống Olympus	Aizu Olympus Co., Ltd. - Nhật Bản	Túi 1 cái	Cái	3	3,030,000	9,090,000	
109	Van hút	Van hút	Van hút tương thích với hệ thống Olympus	Aizu Olympus Co., Ltd. - Nhật Bản	Túi 1 cái	cái	3	2,626,000	7,878,000	
110	Canuyn mở khí quản	HTC0540C; HTC0545C; HTC0550C; HTC0555C; HTC0560C; HTC0565C; HTC0570C; HTC0575C; HTC0580C; HTC0585C; HTC0590C	Canuyn mở khí quản có bóng các số Được đóng gói trong gói riêng lẻ, tiết trùng	Hitec Medical - Trung Quốc	Túi 1 cái	Cái	5	71,400	357,000	
111	Chổi rửa dụng cụ nội soi	VDK-CB-E	Chất liệu: Thân chổi làm bằng kim loại, đầu chổi bằng nhựa	Jiangsu Vedkang Medical Science and Technology Co., Ltd - Trung Quốc	Túi 1 cái	Cái	50	161,600	8,080,000	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng theo KH	Đơn giá Kế hoạch	Thành tiền	Ghi chú
112	Dây truyền máu	With needle	Vỏ trùng. - Đầu cắm hình côn và phù hợp với túi máu; - Bầu đếm giọt có màng lọc, đường kính lỗ lọc khoảng 175-200 µm; - Chiều dài dây truyền máu ≥ 180cm; - Cờ dây truyền: 20 giọt/ml; - Có kèm kim, cỡ 18G; - Dây truyền trong suốt, không tạo bọt khí dưới khí và trong quá trình truyền máu;	Suzhou Yudu Medical - Trung Quốc	Túi 1 bộ	Bộ	50	7,417	370,833	
113	Kim tiêm nội soi dùng một lần	Kim tiêm nội soi dùng một lần	- Kim tiêm có chốt hãm được thiết kế dạng nút bấm có thể đóng mở bằng 1 tay - Chiều dài làm việc tùy chọn: 180cm, 230cm. Chiều dài đầu kim 4mm; 6mm - Đường kính kim từ 23G; 25G. - Có đầu nắp kim loại - Tương thích với đường kính kênh dùng cụ tối thiểu 2,8mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	Zhejiang Soudon Medical Technology Co., Ltd - Trung Quốc	Túi 10 cái	Cái	10	322,967	3,229,667	
114	La men	0101050	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, không mốc, không xước có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm Đạt tiêu chuẩn. ISO 9001 . 100 cái/hộp	Paul Marienfeld GmbH& Co.KG - Đức	Hộp 100 cái	Hộp	20	70,700	1,414,000	
115	Overtube da dây	Overtube da dây	Dùng trong phương pháp cắt đốt dưới niêm mạc qua nội soi ESD, đường kính ngoài từ 11.4mm đến 15mm, có lỗ bên, chất liệu mềm, chiều dài từ đầu cuối ống soi: 4mm.	Paul Marienfeld GmbH& Co.KG - Đức	Hộp 10 cái	Cái	1	1,010,000	1,010,000	
116	Over tube đại trắng	Over tube đại trắng	Dùng trong phương pháp cắt đốt dưới niêm mạc qua nội soi ESD, đường kính ngoài từ 11.4mm đến 15mm, có lỗ bên, chất liệu mềm, chiều dài từ đầu cuối ống soi: 4mm.	Paul Marienfeld GmbH& Co.KG - Đức	Hộp 10 cái	Cái	1	1,016,667	1,016,667	
117	Canuyn Mayo	Airway	Chất liệu tối thiểu nhựa dẻo (polyethylene và silicon), độ cong thích hợp. Trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da. Tiết trùng bằng khí E.O. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Nhà sản xuất tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Ningbo Great Mountain Medical Instruments Co., Ltd	50 cái 1 hộp	Cái	100	5,925	592,467	
118	Băng chi thị hấp ướt	1322-24MM	- Băng keo chỉ thị nhiệt với vạch mực chuyển màu giúp xác định gói dùng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa - Vạch chỉ thị sẽ chuyển màu sau khi qua tiệt khuẩn bằng hơi nước - Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước 121°C và 132°C, 134°C - Thiết kế băng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. Thành phần không chứa chỉ không gây độc hại. - Kích thước: 24mm x55m	3M - Canada	Túi 1 cuộn	Cuộn	10	171,700	1,717,000	
Cộng:									3,711,008,819	
Số tiền bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm mười một triệu không trăm linh tám nghìn tám trăm mười chín đồng 9.										

DANH MỤC HÓA CHẤT DÙNG CHUNG

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng theo KII	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Cồn 70	Cồn 70	Hàm lượng cồn không dưới 70% -Xít bôi trơn dùng cụ, đặc biệt các dụng cụ có bản lề, dụng cụ phẫu thuật - Thành phần: Pparafinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất điện hoạt không ion, khí propan / butan hòa lỏng	Phúc Hà - Việt Nam	Can 20 lit	Lit	1,200	31,815	38,178,000	
2	Dầu bôi trơn đánh bóng trong y tế	430490	Dầu parafin tinh khiết 100% -Xít bôi trơn dùng cụ, đặc biệt các dụng cụ có bản lề, dụng cụ phẫu thuật - Thành phần: Pparafinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất điện hoạt không ion, khí propan / butan hòa lỏng	Chemische Fabrik Dr. Weigert GmbH & CO.KG - Đức	0,4 lit/bình	bình	12	1,111,000	13,332,000	
3	Dầu parafin	Dầu parafin/ Nhãn hiệu: "Thuần Phát"	Dầu parafin tinh khiết 100%	Raj - Ấn Độ	Can 5 lit	Lit	12	84,840	1,018,080	
4	Dầu parafin	DPV/001	Dầu parafin tinh khiết 100%, đựng trong lọ 5ml và trùng	Dược Vĩnh Phúc - Việt Nam	Lọ 5ml	Lọ	600	5,100	3,060,000	
5	Dung dịch đánh tan gỉ và dụng cụ y tế	420449	Dung dịch đánh tan gỉ sắt, sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion < 5% phosphates > 30% - pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1-10% (10-100ml/L)) - Độ nhớt: < 50 Pa s (trong dung dịch đậm đặc, 20 °C) Dung dịch khử khuẩn phun sương chứa H2O2 (hydrogen peroxide) 5% và Ion bạc (Ag) 50ppm. Hiệu quả diệt khuẩn cao >99.99%	Chemische Fabrik Dr. Weigert GmbH & CO.KG - Đức	1 lit/chai	Chai	16	909,000	14,544,000	
6	Dung dịch khử khuẩn phun sương SANOSIL S010	SS241050	- Độ nhớt: < 50 Pa s (trong dung dịch đậm đặc, 20 °C) Dung dịch khử khuẩn phun sương chứa H2O2 (hydrogen peroxide) 5% và Ion bạc (Ag) 50ppm. Hiệu quả diệt khuẩn cao >99.99%	Lavitec - Việt Nam	Can 5 lit	Can	5	1,616,000	8,080,000	
7	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Demanios	THA 4	Dung dịch rửa tay phẫu thuật chứa Chlorhexidine Digluconate 4%	Tân Hương - Việt Nam	Can 5 lit	Can	5	742,350	3,711,750	
8	Dung dịch sát khuẩn Cidezym	2258	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, thành phần tối thiểu: protease subtilisin 0,5%, hiệu quả nhanh sau 1 phút, ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8 ngăn không để lại tồn lưu, không gây ăn mòn dụng cụ - Đạt các tiêu chuẩn : ISO, CFS	PurposeBuilt Brands - Mỹ	Chai 1 lit	Chai	20	686,800	13,736,000	
9	Dung dịch tẩy rửa làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	405078	- Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion và anion, có chữ Enzymes (protease) PH dung dịch: 10,4-10,8 (2-10ml/l, đưa vào nước khử ion, 20 độ C) Độ nhớt: <10 mPa s (dung dịch đậm, 20 °C) - Dung dịch Enzyme tinh khiết tẩy rửa dụng cụ y tế. Sử dụng được trong bồn ngâm, máy rửa khử khuẩn và máy rửa sóng siêu âm	Chemische Fabrik Dr. Weigert GmbH & CO.KG - Đức	1 lit/chai	Chai	120	561,000	67,320,000	
10	Đường Glucose khan		Dạng tinh thể bột, màu trắng				5	-	-	
11	Fucidin nhuộm sản khoa	B250914/ B250902 - R1	Hóa chất sử dụng trong quy trình nhuộm quan sát vi sinh vật, vì khuẩn kháng axit từ mẫu nuôi cấy hoặc mẫu bệnh phẩm. - Thành phần: Carbon fuchsin (0,3%), Ethanol, Phenol, nước deton. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm (15-25 độ C) - Quy cách: Chai 250ml	Lavitec - Việt Nam	Chai 250ml	Chai	2	606,000	1,212,000	
12	formaldehyde.	formaldehyde	Dung dịch formaldehyde.	Dúc Quang - Việt Nam	Chai 1000ml	Chai	2	66,300	132,600	
13	Gel K-Y	Merufia lube/ 300670-02	Gel bôi trơn merufia lube hòa tan được trong nước, dùng phổ biến trong bôi trơn âm đạo, khám phụ khoa, thực rửa âm đạo, nội soi trực tràng, đại tràng	Merufia - Việt Nam	Hộp 1 tuýp	tuýp	100	63,630	6,363,000	

14	Gel siêu âm	APM-GS1, APM-GS2	Gel dung trong siêu âm. Màu xanh hoặc không màu	An Phú - Việt Nam	Can 5 lit	Can	120	106,050	12,726,000
15	Giấy định nhóm máu	430-06	Thành phần: Ở anti A chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti A IgM dòng Birma-1 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ở anti B chứa dung dịch đệm photphat và kháng thể đơn dòng Anti B IgM dòng LB-2 (Hiệu giá $\geq 1:32$); Ở control có chứa dung dịch đệm photphat. - Thiết kế 2 test nhằm ngăn cạnh nhau, thuận tiện khi viết thông tin, không chạm vào hóa chất trên thẻ, có ngôn ngữ Tiếng Việt. - Bảo quản 5 - 37 độ C, chịu được nhiệt độ lên tới 65 độ C trong không quá 6 tuần. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA	Eldon Biologicals A/S - Đan Mạch	200 test/túi	Test	200	19,890	3,978,000
16	Javen	Javen	Thành phần tối thiểu: NaOCl 10-12%	Đông Á - Việt Nam	Can 30 lit	Lít	300	12,240	3,672,000
17	Kẽm oxit	ZnO	Dạng lỏng, có màu vàng nhạt. Đồng can 30 lit.	Xilong - Trung Quốc	Lọ 500g	Lọ	1	131,300	131,300
18	Nước cất tiệt trùng	Nước cất tiệt trùng	Hóa chất kẽm oxit (ZnO) tinh khiết đạt trên 99%, lọ 500g	Phúc Hà - Việt Nam	Can 5 lit	Lít	2,500	17,170	42,925,000
19	SDS hand rub	SDS Hand Rub	Nước được trung cất 2 lần, đã tiệt trùng	CT CP Hỗ trợ và phát triển dịch vụ y tế Việt Nam - Việt Nam	Chai 1 lit	chai	50	117,300	5,865,000
20	SDS hand wash	SDS Hand Wash	Thành phần tối thiểu: Ethanol 80%, Isopropanol 7.2%, Chlorhexidine gluconat 0.5% Thành phần tối thiểu: Nước cất, Sodium lauryl ether sulphate, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, Coconut fatty acid diethanol amide, Cocamidopropyl betain, Glycerin ...	CT CP Hỗ trợ và phát triển dịch vụ y tế Việt Nam - Việt Nam	Chai 1 lit	chai	50	80,623	4,031,167
21	Steranios 2%	0382.034	Thành phần 2% Glutaraldehyde, pH=6 khử khuẩn mức độ cao dụng cụ	Laboratoires Anios - Pháp	Can 5 lit	can	5	606,000	3,030,000
22	Vôi soda	W2550P78T98	Chế phẩm hóa học có thành phần chính là hỗn hợp canxi Hydroxit (Ca(OH) ₂) và natri Hydroxit (NaOH). Can 4.5kg	Molecular Products Ltd - Anh	Can 4,5kg	Can	2	612,000	1,224,000
23	Anti D-IgG	822001; 822002	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:128$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác	Spectrum Diagnostic - Ai Cập	Lọ 10ml	Lọ	6	222,200	1,333,200
24	Dung dịch AHG-Anti Human Globulin	819001; 819002	100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostic - Ai Cập	Lọ 10ml	lọ	12	297,950	3,575,400
25	Dung dịch đệm LISS	284001	Huyết thanh chẩn đoán Spectrum Anti-Human Globulin để phát hiện in-vitro của lớp phủ kháng thể ở hồng cầu người. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostic - Ai Cập	Lọ 10ml	lọ	12	351,900	4,222,800
26	Huyết thanh mẫu Anti A	810001; 810002	Thành phần: Dung dịch đệm LISS Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostic - Ai Cập	Lọ 10ml	lọ	60	95,950	5,757,000
27	Huyết thanh mẫu Anti AB	816001; 816002	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostic - Ai Cập	Lọ 10ml	lọ	60	95,950	5,757,000

28	Huyết thanh mẫu Anti B	814001; 814002	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti- B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) BS01100 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostic - Ai Cập	lọ	60	96,900	5,814,000
29	Huyết thanh mẫu Anti D- đơn dòng	822001; 822002	Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:128$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. ISO 13485	Spectrum Diagnostic - Ai Cập	lọ	60	222,200	13,332,000
30	Que test Cidex	20392	Kiểm tra nồng độ (tối thiểu có tác dụng (MIC) của dung dịch CIDEX OPA.	Albert Browne Limited - Anh	Hộp 2 lọ; lọ 15 que	1	1,363,500	1,363,500
31	thử Indol	MI003MT	Lọ thủy tinh có nắp vận chuyển chứa 3ml môi trường. Dung dịch thử nghiệm sinh hóa sinh urease, sinh indol và di động.	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa - Việt Nam	Hộp 10 lọ	1	14,140	14,140
32	thử Oxidase	MI001BD	Đĩa giấy định danh vi khuẩn Chứa trong lọ nắp nhôm có gắn nút đẩy chất, có chất chống ẩm. Thực hiện thử nghiệm Oxidase.	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa - Việt Nam	Lọ 20 đĩa	1	69,690	69,690
33	thử catalase	MI011BR	Thuốc thử dùng thực hiện thử nghiệm phát hiện Catalase. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Nam Khoa - Việt Nam	Chai 100ml	1	918,000	918,000
Tổng cộng: khoản								290,426,627

Số tiền bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu bốn trăm hai nghìn sáu trăm hai mươi bảy đồng /.

DANH MỤC TEST VI SINH, SINH PHẨM Y TẾ

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Môi trường thạch dùng để phân lập và nuôi cấy vi khuẩn.	MELAB Columbia Agar + 5% Sheep Blood	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính, không chứa các chất phụ gia hay chất bảo quản. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Đáp ứng: "Yêu cầu kiểm soát chất lượng tối thiểu cho nhà sản xuất đối với môi trường nuôi cấy đồ sẵn", theo tiêu chuẩn của CLSI. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Hộp 10 đĩa	Hộp	48	265,633	12,750,400	
2	Môi trường thạch dùng để phân lập và nuôi cấy vi khuẩn.	MELAB Chocolate Sheep Blood Agar + MultiVitox	Đĩa thạch đổ sẵn có bổ sung các chất kích thích tăng trưởng được sử dụng để nuôi cấy các loại vi sinh vật khó mọc, đặc biệt là Neisseria spp. và Haemophilus, không chứa các chất phụ gia hay chất bảo quản. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Đáp ứng: "Yêu cầu kiểm soát chất lượng tối thiểu cho nhà sản xuất đối với môi trường nuôi cấy đồ sẵn", theo tiêu chuẩn của CLSI. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated sheep blood, Agar, Multivitox (bao gồm Vitamin B12, L-glutamine, Adenine, Guanine, p-Aminobenzoic acid, L-cystine, NAD (Coenzyme I), Cocarboxylase, Ferric nitrate, Thiamine, Cysteine hydrochloride), pH: 7.3 ± 0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Hộp 10 đĩa	Hộp	42	357,933	15,033,200	
3	Môi trường thạch dùng để phân lập và nuôi cấy vi khuẩn.	MELAB Chromogenic UTI Agar	Đĩa thạch đổ sẵn màu trắng đục chứa môi trường tạo màu được sử dụng để định danh sơ bộ và phân biệt tất cả các vi sinh vật chính là nguyên nhân gây nên bệnh nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptone, Chromogenic mix, tryptophane, Agar, pH: 6.8 ± 0.2 ở 25°C;	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Hộp 10 đĩa	Hộp	40	375,867	15,034,667	
4	Môi trường thạch dùng để phân lập và nuôi cấy nấm	MELAB Sabouraud Dextrose Agar	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH: 5.6 ± 0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Hộp 10 đĩa	Hộp	2	250,853	501,705	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
5	Môi trường thạch dùng để làm kháng sinh đồ	MELAB Mueller Hinton Agar	Đĩa thạch đỏ sẵn được sử dụng để kiểm tra tính nhạy cảm kháng sinh của vi sinh vật không khó mọc. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Acid Digest of Casein, Beef Extract, Starch, Agar, Sodium chloride; pH: 7.3±0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Hộp 10 đĩa	Hộp	12	271,655	3,259,860	
6	Môi trường vận chuyển liên cầu B	MELAB Amies Transport Medium	Ống chứa nhựa kèm tấm bóng vô trùng chứa 3ml môi trường thạch dùng được cải tiến để kéo dài thời gian vận chuyển các mẫu bệnh phẩm, đặc biệt là mẫu bệnh phẩm cho sàng lọc liên cầu B. Thành phần: Charcoal pharmaceutical, Sodium chloride, Sodium hydrogen phosphate, Potassium dihydrogen phosphate, Sodium chloride, Sodium thioglycollate, Calcium chloride, Magnesium chloride, Agar, pH 7.2 ± 0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Hộp 50 túi	hộp	5	735,613	3,678,063	
7	Môi trường thạch dùng để phân lập và nuôi cấy vi khuẩn.	MELAB Chromogenic Strepto B Agar	Đĩa thạch đỏ sẵn màu xám nhạt chứa môi trường tạo màu chọn lọc được sử dụng để phân lập và phân biệt Streptococcus nhóm B. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân hủy bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptone and yeast extract, Salts, Chromogenic mix, Growth factors mix, Selective mix, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C;	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	hộp/10 đĩa	hộp	12	560,363	6,724,360	
8	Môi trường lỏng tăng sinh cho vi sinh vật	MELAB Todd Hewitt Broth + Antibiotics	Ống nhựa chứa 5ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS) Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	10 ống/ hộp	Hộp	20	165,890	3,317,800	
9	Dung dịch nhuộm	MELAB Color Gram Set	Bộ nhuộm Gram dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 250ml, Lugol chai 250ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 250ml và Safranin chai 250ml. - Bảo quản: Nhiệt độ phòng thí nghiệm	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Bộ 4 chai 250ml	Hộp	6	1,084,100	6,504,600	
10	Thế định danh vi khuẩn Gram âm	VITEK® 2 GN	Thế định danh Gram âm sử dụng với máy VITEK 2 để định danh trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men Thế gồm 47 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	20	4,196,667	83,933,333	
11	Thế định danh vi khuẩn Gram dương	VITEK® 2 GP	Thế định danh Gram dương sử dụng với máy VITEK 2 để định danh các vi sinh vật Gram dương Thế gồm 43 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	20	4,196,667	83,933,333	
12	Thế định danh Neisseria-Haemophilus	VITEK® 2 NH	Thế định danh Neisseria-Haemophilus sử dụng với máy VITEK 2 để định danh vi khuẩn khó mọc Thế gồm 30 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	1	4,093,333	4,093,333	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
13	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí	VITEK® 2 ANC	Thẻ định danh vi khuẩn kỵ khí và Corynebacteria sử dụng với máy VITEK 2 để định danh vi sinh vật kỵ khí và các loài Corynebacterium Thẻ gồm 36 thử nghiệm sinh hóa Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	1	4,144,120	4,144,120	
14	Thẻ làm kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm	VITEK® 2 AST-N415, VITEK® 2 AST-N417, VITEK® 2 AST-N428, VITEK® 2 AST-N439, VITEK® 2 AST-N443	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram âm dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	20	4,196,667	83,933,333	
15	Thẻ làm kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương	VITEK® 2 AST-GP67, VITEK® 2 AST-ST03	Thẻ làm kháng sinh đồ Gram dương dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	20	4,196,667	83,933,333	
16	Thẻ làm kháng sinh đồ vi khuẩn Liên cầu	VITEK® 2 AST-ST03	Thẻ làm kháng sinh đồ Streptococcus dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	2	4,196,667	8,393,333	
17	Ống tủy 12x75 mm pha huyền dịch vi khuẩn	UNSENSITIZED TUBES	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần sử dụng với máy VITEK 2	Greiner GmbH - Đức do BioMerieux phân phối tại Việt Nam	2000 Ống/ Hộp	Hộp	1	18,390,000	18,390,000	
18	Đầu côn 0,5 - 250µL	PIPETTE TIPS 0,5 - 250µL	Đầu côn 0,5 - 250µL	Scientific - Phần Lan do hãng BioMerieux phân phối tại Việt Nam	Hộp 96 cái	Hộp	10	670,135	6,701,352	
19	Đầu côn 100 - 1000 µL	PIPETTE TIPS 100 - 1000 µL	Đầu côn 100 - 1000 µL	Scientific - Phần Lan do hãng BioMerieux phân phối tại Việt Nam	Hộp 96 cái	Hộp	12	652,064	7,824,768	
20	Thẻ định danh nấm men	VITEK® 2 YST	Thẻ định danh nấm men sử dụng với máy VITEK 2 để định danh nấm men và các vi sinh vật tương tự nấm men	BioMerieux Inc - Mỹ	Hộp 20 thẻ	Hộp	2	4,144,120	8,288,240	
21	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm	VITEK® 2 AST-YS08	Thẻ làm kháng sinh đồ nấm dùng với máy VITEK 2 Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Đạt tiêu chuẩn ISO	BioMerieux Inc	Hộp 20 thẻ	Hộp	2	4,196,667	8,393,333	
22	Nước muối 0.45% để pha huyền dịch vi khuẩn cho mẫu xét nghiệm dùng cho máy định danh vi khuẩn và làm kháng sinh đồ Vitek	Saline Solution	Nước muối 0.45% dùng với máy VITEK 2, pH: 4.5 - 7, đạt tiêu chuẩn CE-IVD (in vitro diagnostic)	LABORATOIRE AGUETTANT - Pháp	Hộp 20 chai x 500 ml	chai	1	655,533	655,533	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
23	Chai cấy máu hiệu khi	BacT/ALERT FA Plus	Chai mỗi trường phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện (vi khuẩn và nấm men) từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, - Cấu tạo bằng polycarbonate, nắp màu xanh - Chứa 30ml môi trường và $\geq 1.6g$ hạt polyme hấp phụ - Thành phần: tổ hợp peptones/biological extracts ($\geq 1.85\%$ w/v), anticoagulant ($\geq 0.083\%$ w/v), vitamins và amino acids ($\geq 0.00145\%$ w/v) nguồn carbon ($\geq 0.45\%$ w/v), trace elements ($\geq 0.0005\%$ w/v) và amino acid phức hợp và các chất carbohydrate trong nước tinh khiết. - Các chai chứa khí trường N2, O2, và CO2, trong chân không. - Có khả năng trung hòa các kháng sinh: penicillins, glycecylicines, polyenes, macrolides, triazoles, echinocandins, cefazolin, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, glycopeptides, và oxazolidinones, - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485, CE-IVD, FDA Mỹ...	BioMerieux Inc - Mỹ	30 ml/chai	chai	100	142,067	14,206,667	
24	Chai cấy máu kỵ khí	BACT/ALERT FN Plus	Chai mỗi trường phát hiện vi sinh vật kỵ khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và các dịch vô khuẩn khác của cơ thể. - Cấu tạo bằng polycarbonate nắp màu cam - Chứa 40ml môi trường và $\geq 1.6g$ hạt polyme hấp phụ - Thành phần: tổ hợp peptones/biological extracts ($\geq 1.85\%$ w/v), anticoagulant ($\geq 0.083\%$ w/v), vitamins và amino acids ($\geq 0.00145\%$ w/v), nguồn carbon ($\geq 0.45\%$ w/v), trace elements ($\geq 0.0005\%$ w/v) và acid amin phức hợp khác và cơ chất carbohydrate trong nước tinh khiết. Các chai chứa khí trường N2, và CO2 trong điều kiện chân không. - Có khả năng trung hòa các kháng sinh: imipenem, meropenem, oxacillin, glycecylicines, macrolides, cefoxitin, ceftaroline, aminoglycosides, fluoroquinolones, lincosamides, ketolides, và glycopeptides - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 13485, CE-IVD, FDA Mỹ...	BioMerieux Inc - Mỹ	40 ml / chai	chai	100	142,067	14,206,667	
25	Test chẩn đoán Helicobacter Pylori (MELAB Urea Agar Base)	MELAB H. pylori Urease Agar	Ống nhựa có nắp kín chứa 0,3ml môi trường thạch dùng để kiểm tra nhanh sự hiện diện của Helicobacter pylori trong mẫu bệnh phẩm hoặc trên môi trường nuôi cấy. Đọc kết quả từ 2-30 phút. Thành phần: Urea 40% (ml) 50 ml, Phenol red 0.04 g, Agar 4.0 g, Na2HPO4 0.05 g, KH2PO4 0.1 g, pH 6.8 $\pm$ 0.2 ở 25°C. Đóng gói: hộp 50 ống	Công ty Cổ phần SEMIND - Việt Nam	Hộp 50 tet	Test	2,000	13,130	26,260,000	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
26	STANDARD ™ Q RSV Ag Test	QRSV01G	- Phát hiện định tính kháng nguyên RSV có trong tâm bông ty hầu hoặc dịch rửa / dịch hút ty hầu từ bệnh nhân có triệu chứng nhiễm trùng đường hô hấp do vi rút. - Cung cấp bao gồm chứng âm, chứng dương - Đóng gói từng test trong túi nhôm riêng biệt, có gói hút ẩm cho từng test - Độ nhạy: $\geq 92.45\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 98.44\%$ so với RT-PCR đánh giá trên 181 mẫu bệnh phẩm - Độ chính xác 100% đối với RSV A và RSV B - Giới hạn phát hiện: 1.78×10^{-4} TCID₅₀/ml đối với RSV A và 1.35×10^{-3} TCID₅₀/ml với RSV B. - Không có phản ứng gây nhiễu với Ibuprofen, Acetaminophen, Hemoglobin, Bilirubin, Ciprofloxacin, Promethazine - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485; CE; IVD, EU FSC; OECD Phần loại C	SD Biosensor, InC - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	100	93,732	9,373,200	
27	STANDARD ™ Q Influenza A/B Test	QINF01G	- Phát hiện nhiễm cúm từ mẫu tâm bông mũi, tâm bông ty hầu hoặc mẫu hút/rửa dịch ty hầu, xác định sự tồn tại của vi rút cúm typ A và typ B. - Độ nhạy lâm sàng: $\geq 93.05\%$ so với PCR đánh giá trên 454 mẫu lâm sàng - Độ nhạy lâm sàng: $\geq 99.52\%$ so với PCR đánh giá trên 454 mẫu lâm sàng - Giới hạn phát hiện: 2.50×10^{-3} TCID₅₀/mL với Cúm A (H1N1), 1.55×10^{-3} TCID₅₀/mL với Cúm A (H3N2); 1.30×10^{-3} TCID₅₀/mL với Cúm B (Đài Loan). - Cung cấp kèm chứng âm, chứng dương - Chứng hoàng đàn không có ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. - Phát hiện các chủng: 19 type phụ H1N1 bao gồm H1N1pdm; 15 type phụ H3N2; H2N2; H3N8; H5N1; H5N3; H7N3; H7N9; - Phát hiện 17 type phụ virus Cúm B. - Không có phản ứng chéo với 61 mẫu vi sinh vật. - Thành phần chính: trên màng: T1_cap: mAb anti-influenza B; T2_cap: mAb anti-influenza A; C_cap: mAb anti-Chicken Ig Y; Dệm vàng: T1_det: mAb anti-influenza B-gold; T2_det: mAb anti-influenza A-gold; C_det: Chicken Ig Y-gold - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485; CE; IVD; EU FSC; OECD Phần loại C	SD Biosensor, InC - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	4,000	87,070	348,280,000	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
28	STANDARD ™ Q Dengue NS1 Ag Test	QDEN01G	- Phát hiện các kháng nguyên NS1 của vi rút Dengue trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần phản người - Độ nhạy tương quan: $\geq 92,42\%$ (183/198) so với RT-PCR - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 98,7\%$ (222/225) so với RT-PCR - Độ chính xác 100% - Giới hạn phát hiện (Đối với Den-1, 2, 3, 4) là: 3,9 ng/ml - Có thể phát hiện được tất cả 4 type Dengue bao gồm: Dengue type I, II, III, IV - Không phản ứng chéo với Flavivirus, Bệnh sốt rét, CMV, EBV, Varicella zoster virus, Parvovirus B19 - Không có phản ứng gây nhiễu với EDTA, Heparin, Sodium citrate, Hemoglobin, Human Albumin, Ribavirin, Doxycycline hydrate, Aspirin, Ciprofloxacin, Quinine, Ibuprofen, Acetaminophen. - Chứng minh rằng mẫu máu và mẫu có chứa yếu tố dạng thấp không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485; CE; IVD; EU FSC, FSC Úc; OECD - Phân loại C	SD Biosensor, InC - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	2.000	67.113	134.226.667	
29	STANDARD ™ Q Dengue IgM/IgG Test	QDEN01B	- Phát hiện định tính và phân biệt các kháng thể IgM/IgG chống lại vi rút sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu máu toàn phần người - Độ nhạy tương quan: $\geq 97,4\%$ (đối với Dengue IgM); $\geq 97,2\%$ (đối với Dengue IgG) so với ELISA, đánh giá trên tổng số 437 mẫu lâm sàng - Độ đặc hiệu tương quan: $\geq 96,6\%$ (đối với Dengue IgM); $\geq 96,2\%$ (đối với Dengue IgG) so với ELISA, đánh giá trên tổng số 437 mẫu lâm sàng - Độ chính xác 100% - Giới hạn phát hiện 3,9 ug/ml với Dengue IgM/IgG - Có thể phát hiện được tất cả 4 type Dengue bao gồm: Dengue type I, II, III, IV - Không phản ứng chéo với Flavivirus, Bệnh sốt rét, CMV, EBV, Varicella zoster virus, Parvovirus B19 - Khay thử được đóng gói từng túi riêng lẻ, có gói hút ẩm. Bộ kit cung cấp bao gồm khay thử xét nghiệm, dung dịch đệm, ống lấy mẫu dùng 1 lần. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485; CE; IVD; EU FSC, FSC Úc; OECD - Phân loại C	SD Biosensor, InC - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	200	52.766	10.553.200	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Chú chủ
30	STANDARD ™ Q Syphilis Ab Test	QSPH01B	- Xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng giang mai từ huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần người. - Độ nhạy: 100% (56/56), độ đặc hiệu $\geq 99,1\%$ (443/447) so với TPHA - Không phản ứng chéo với HBV, HIV-1, HCV - Bảo quản: 2-40 độ C - Vạch thử phù Syphilis tái tổ hợp p17; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng Syphilis p17 - Phân loại D - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE-IVD, OECD	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	100	21.890	2.189.000	
31	STANDARD ™ Q HIV 1/2 Ab 3-Line Test	QHIV02B	- Phát hiện định tính tất cả các kháng thể đặc hiệu với HIV-1 bao gồm nhóm phụ O và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần mao mạch và tĩnh mạch người. - Độ nhạy 100% (200/200), độ đặc hiệu 100% (1750/1750) đối với HIV-1 và HIV-2 - Bộ xét nghiệm bao gồm khay thử (trong từng túi riêng lẻ), ống mao dẫn, dung môi xét nghiệm, kim chích, bông cotton - Thành phần chính: Vạch thử T1: protein tái tổ hợp gp41 của HIV-1 và HIV-1 phân nhóm O; Vạch thử T2: gp36 của HIV-2 - Bảo quản: 2-40 độ C - Nằm trong danh sách WHO PQ. - Đạt ISO 13485; OECD - Phân loại D	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	3.000	30.597	91.790.000	
32	STANDARD ™ Q HCV Ab Test	QHCV01B	- Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần người. - Độ nhạy: 100%, Độ đặc hiệu: $\geq 97,67\%$ - Không bị ảnh hưởng bởi: mẫu toàn phần của phụ nữ mang thai - Bảo quản: 2-40 độ C - Nằm trong danh sách WHO PQ - Kit thử ổn định 13 tuần ở nhiệt độ $55\pm 1^{\circ}\text{C}$ - Thành phần chính: Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng IgG; Đệm liên hợp: Kháng nguyên HCV NS3/NS4/NS5/đôi tái tổ hợp - keo vàng - Có thể phát hiện kháng thể kháng HCV genotype 5 - Đạt ISO 13485; OECD - Phân loại D	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	3.000	22.600	67.800.000	
33	STANDARD ™ Q HAV IgM Test	QHAV01B	- Phát hiện định tính kháng thể IgM kháng HAV trong mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: $\geq 98,04\%$ - Bảo quản: 2-40 độ C - Kit thử ổn định 3 tháng ở nhiệt độ $60\pm 1^{\circ}\text{C}$ - Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất - Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng IgM người - Phân loại B - Đạt ISO 13485, CE-IVD, OECD	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	80	96.038	4.801.900	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
34	STANDARD TM Q HBsAg Test	QHBS01G	Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lo Buffer). Độ nhạy: 100% (43/43), độ đặc hiệu: 100% (162/162) so với CLIA. Ổn định 8 tuần tại 55 +/-1oC. Độ chính xác 100%. Bảo quản: 2-40 độ C Không phản ứng chéo với: HIV, HCV Không có phản ứng gây nhiễu với: mẫu toàn phần của phụ nữ mang thai, mẫu có nồng độ protein phản ứng C tăng cao. -Thành phần chính: Vạch thử: kháng thể đơn dòng kháng HBs; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY-gà Hàm lượng: - Giới hạn phát hiện: phát hiện được HBsAg từ nồng độ 0.01562 µg/ml - Đạt ISO 13485; OECD - Phân loại D	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	2,200	15,020	33,044,000	
35	STANDARD TM Q COVID-19 Ag Test	Mã Ref: Q- NCOV-01G Số Cat.: 09COV30D	Phát hiện định tính kháng nguyên nucleocapsid đặc hiệu đối với SARS-CoV-2 trong mẫu tam bông ty hầu - Vạch thử phủ kháng thể đơn dòng chuột kháng SARS-CoV-2 - Bảo quản: 2-40 độ C - Giới hạn phát hiện: từ 3.12x10⁻² TCID50/ml - Độ nhạy: ≥ 84.97% (130/153, 95%CI 78.3-90.23%) so với RT-PCR - Độ đặc hiệu: ≥ 98.94% (1490/1506, 95%CI 98.28-99.39%) so với RT-PCR - Phân loại D. Nằm trong danh sách sử dụng khẩn cấp của WHO. - Đạt ISO 13485. CE-IVD, OECD	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	2,000	78,960	157,920,000	
36	STANDARD TM Q Rotavirus Ag Test	QROT01G	- Phát hiện kháng nguyên Rotavirus nhóm A trong mẫu phân của người. - Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% so với PCR và ELISA; đánh giá trên 238 mẫu lâm sàng - Độ chính xác 100%, độ tái lặp 100% - Giới hạn phát hiện Rotavirus nhóm A xấp xỉ 2 x 10⁶ ~ 1.15 x 10⁶ PFU/ml - Không phát hiện trên mẫu trắng - Vạch hiển thị màu tím trên màng của khay thử chưa sử dụng sẽ biến mất sau khi sử dụng - Đóng gói từng test trong túi nhôm riêng biệt, có gói hút ẩm cho từng test - Chứng minh rằng không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Không bị nhiễu bởi các mẫu mô máu, tủy huyết, BSA, Mucin, Máu toàn phần. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485; CE; IVD; EU FSC; OECD phân loại B	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	200	70,581	14,116,267	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
37	CerTest FOB	F820001F	Phát hiện định tính Hemoglobin (Hb) người trong mẫu phân. Giá trị cut-off là 50ng/ml (5,1 µg Hb / g phân) đối với hemoglobin người. Độ nhạy lâm sàng ≥ 99%, độ đặc hiệu lâm sàng ≥ 80%. Vạch chứng có màu xanh và vạch thử nếu xuất hiện sẽ có màu đỏ. HSD 24 tháng từ ngày sản xuất. Không có phản ứng chéo với một số tác nhân thỉnh thoảng có trong mẫu phân: Hemoglobin bò và lợn, Transferrin bò và người, Lactoferrin bò, Calprotectin người, Lactoferrin người, Transferrin người. Không có sự gây nhiễu nào với bất kỳ loại thực phẩm nào (Vitamin C, bồng cải xanh, cà rốt,...)	CerTest Biotech S.L., - Tây Ban Nha	Hộp 20 test	Test	200	44.697	8.939.333	
38	Que test đường máu mao mạch (Que thử đường huyết dùng với máy đo đường huyết cá nhân U-RIGHT TD 4279)	U-RIGHT TD 4279	Đạt tiêu chuẩn ISO13485 - Sử dụng men que thử GDH-FAD cộng 2 tín hiệu điện. Xác định HCT bằng tín hiệu điện xoay chiều (AC) và đo lượng Glucose bằng tín hiệu điện 1 chiều DC - Không bị ảnh hưởng bởi đường maltose, glucose - Đo được 4 loại máu khác nhau: mao mạch, động mạch và máu mao mạch gót chân trẻ sơ sinh (máu trẻ sơ sinh) - Khoảng đo: 0.5-38.9 mmol/L (10-700mg/dL) - Lượng mẫu máu: 1.0µL -- Đối tượng sử dụng (HCT) 0-70% - Thời gian thử 5 giây - Bảo quản ở nhiệt độ thường (4°C-40°C) Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, LeukoCyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin LeukoCyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1 mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6-8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL Xuất xứ: G7	Taidoc Technology Corporation - Đài Loan	LO 50 test	Test	9.000	6.567	59.100.000	
39	Que thử nước tiểu 10 thông số	10334754		Siemens - Mỹ	Hộp 100 test	Test	1.000	9.011	9.011.000	
40	Test Chlamydia	W35-C	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 - Định tính trực tiếp phát hiện kháng nguyên Chlamydia trachomatis - Mẫu phẩm: Dịch cổ tử cung nữ giới, dịch niệu đạo, nước tiểu nam giới - Độ nhạy: 93,58% độ đặc hiệu: 99,08%, độ chính xác: 100% Thành phần kit thử: - Ngưỡng phát hiện: 5x10 ⁴ IFU/ml 1. Công hợp kháng thể đơn dòng kháng Chlamydia (Chlamydia McAb conjugate): 10 µg/ml; 2. Kháng thể đơn dòng chuột kháng Chlamydia (Chlamydia monoclonal antibody mouse): 0.75 mg/ml; 3. Kháng thể đa dòng dê kháng IgG chuột (Anti-mouse IgG polyclonal antibody goat): 2.25 mg/ml. - Không phản ứng chéo với: Streptococcus, Herpes simplex virus, Mycoplasma hominis....	Guangzhou Wondfo Biotech Co., Ltd - Trung Quốc	Hộp 25 test	Test	50	29.387	1.469.333	

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng - Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng theo KH	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
41	Test HBeAg	QHBS01G	Phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) có mặt trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Không cần dung dịch đệm (lo Buffer). Độ nhạy: 100% (43/43), độ đặc hiệu: 100% (162/162) so với CLIA. Ổn định 8 tuần tại 55 +/-1oC. Độ chính xác 100%. Bảo quản: 2-40 độ C Không phản ứng chéo với: HIV, HCV Không có phản ứng gây nhiễu với: mẫu toàn phần của phụ nữ mang thai, mẫu có nồng độ protein phản ứng C tăng cao. -Thành phần chính: Vạch thử: kháng thể đơn dòng kháng HBs; Vạch chứng: kháng thể đơn dòng kháng IgY-gà Hàm lượng: - Giới hạn phát hiện: phát hiện được HBsAg từ nồng độ 0.01562 µg/ml - Đạt ISO 13485 - Phân loại D	SD Biosensor, Inc - Hàn Quốc	Hộp 25 test	Test	200	15,040	3,008,000	
42	Test thử nhanh phát hiện Amphetamin, Marijuana, Morphin, Codein, Heroin	108585	Test nhanh phát hiện 5 chất ma túy qua mẫu thử nước tiểu với ngưỡng cut-off: - Morphin (MOP): 300ng/ml - Amphetamine (AMP): 500ng/ml - Cannabis (THC): 50ng/ml - Codeine (COD): 300ng/ml - Heroin (HER): 10ng/ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	HANGZHOU TESTSEA BIOTECHNOLOGY CO., LTD - Trung Quốc	Hộp 25 test	Test	5,000	50,500	252,500,000	
	Cộng:								1,732,217,234	

Số tiền bằng chữ: Một tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu hai trăm mười bảy nghìn hai trăm ba mươi tư đồng.

Danh mục Hóa chất dùng cho máy sinh hóa; máy huyết học tự động Bc-6000, BC-6800 Plus Mindray; máy đông máy Humacelot Pro; máy điện giải Easy Electrolytes; máy điện giải Easy Lyte; máy miễn dịch CL-900i; máy xét nghiệm nước tiểu.

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
L.	Hóa chất dùng cho máy sinh hóa									
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng Albumin	Albumin Kit/105-000861-00	Để xác định định lượng nồng độ ALB trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo: Bromocresol Green Method Dải tuyến tính: 3-60g/L Thành phần gồm: Hóa chất R: - Citrate buffer: 30 mmol/L - Bromocresol green: 0.26 mmol/L - Surfactant: 1.5 g/L	Mindray/Trung Quốc	R: 6*40 mL	Hộp	2	975.567	1.951.133	
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng ALT/GPT	Alanine Aminotransferase Kit/105-000853-00	Để xác định định lượng hoạt tính Alanine Aminotransferase trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo: IFCC Method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dải tuyến tính: 4-1000 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris-buffer: 150 mmol/L - L-Alanine: 750 mmol/L - LDH $\geq$ 1200 U/L - NADH: 0.4 mmol/L Hóa chất R2: - α-Oxoglutarate: 90 mmol/L - NADH: 0.9 mmol/L	Mindray/Trung Quốc	R1: 6*40 mL + R2: 2*32 mL	Hộp	26	3.664.330	95.272.576	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng AST/GOT	Aspartate Aminotransferase Kit/105-004592-00	Thuốc thử AST dùng để xác định định lượng hoạt độ AST trong huyết thanh hoặc huyết tương trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro. Phương pháp đo: IFCC method mà không có hoạt hóa pyridoxal phosphate Dải tuyến tính: 4-800 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris Buffer: 100 mmol/L - L-aspartate: 300 mmol/L - LDH $\geq$ 900 U/L - MDH $\geq$ 600 U/L - NADH: 0.4 mmol/L Hóa chất R2: - α-oxoglutarate: 60 mmol/L - NADH: 0.9 mmol/L	Mindray/Trung Quốc	R1:6*57 mL+R2:3*32 mL	Hộp	25	5.262,100	131.552,500	
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng Amylase	α -Amylase Kit/105-000886-00	Thuốc thử α-AMY dùng để xác định định lượng hoạt tính của α-Amylase (1,4-α-D-glucanohydrolases) trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu trên hệ thống đo quang. Phương pháp đo: IFCC Method Dải tuyến tính: 5-1500 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris buffer: 50 mmol/L - Magnesium sulphate: 10 mmol/L - α-Glucosidase: 4500 U/L Hóa chất R2: - Tris buffer: 50 mmol/L - E-NP-G7: 5.5 mmol/L	Mindray/Trung Quốc	R1:4*20 mL+R2:2*10 mL	Hộp	6	3.646,167	21.877,000	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trù	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Direct	Bilirubin Direct Kit/105-000866-00	Để xác định định lượng nồng độ Bil-D trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán lâm sàng Phương pháp đo: VOX Method Dải tuyến tính: 1-430 µmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tartrate buffer : 100 mmol/L Hóa chất R2: - Phosphate buffer: 10 mmol/L - Vanadate: 4 mmol/L	Mindray/Tru ng Quốc	R1:4*38 mL+R2:2*20 mL	Hộp	3	2.224.173	6.672.520	
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng Bilirubin Total	Bilirubin Total Kit/105-000865-00	Để xác định định lượng nồng độ Bil-T trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chân đoán lâm sàng Phương pháp đo: VOX Method Dải tuyến tính: 2-684 µmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Citrate buffer : 100 mmol/L - Surfactant <1% Hóa chất R2: - Phosphate buffer: 10 mmol/L - Vanadate: 4 mmol/L	Mindray/Tru ng Quốc	R1:4*38 mL+R2:2*20 mL	Hộp	3	2.172.507	6.517.520	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trừ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK	Creatine Kinase Kit/105-000869-00	Để xác định định lượng nồng độ CK trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp đo: IFCC Method Dải tuyến tính: 5-1000 U/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Imidazole buffer : 100 mmol/L - Glucose : 20 mmol/L - N-acetylcysteine(NAC) : 0.2 mmol/L - Magnesium acetate 10 mmol/L - EDTA: 2 mmol/L - NADP: 2 mmol/L - AMP: 5 mmol/L - HK >4 U/mL Hóa chất R2: - Creatine phosphate: 30 mmol/L - ADP 2 mmol/L - G-6-PDH >2.8 U/mL	Mindray/Tru ng Quốc	R1:4*38 mL+R2:2*20 mL	Hộp	5	6,665,347	33,326,733	
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatinine	Creatinine Kit/105- 000868-00	Để xác định định lượng nồng độ creatinine trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo: Sarcosine Oxidase Method Dải tuyến tính: 10-7000 µmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - CRTase > 40KU/L - Sarcosine Oxidase >7KU/L - Ascorbic acid oxidase 2KU/L - Catalase >100KU/L - ESPMT 0.47mM Hóa chất R2 : - Creatininase >400KU/L - Peroxidase >50KU/L - 4-aminoantipyrine 2.95 mmol/L	Mindray/Tru ng Quốc	R1:4*40 mL+R2:2*28 mL	Hộp	22	6,891,067	151,603,467	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Gamma-GT	Gamma-Glutamyltransferase Kit/105-000856-00	Thuốc thử GGT dùng để xác định định lượng Gamma-Glutamyltransferase hoạt động trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên hệ thống trắc quang Phương pháp đo: Szasz Method/IFCC stand Dải tuyến tính: 4-650 U/L (0.07 – 10.83 µkat/L) Thành phần gồm: Hóa chất R1: -TRIS buffer 100 mmol/L - Glycyl-glycine 150 mmol/L Hóa chất R 2 : - L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/L	Mindray/Trung Quốc	R1:6*40 mL+R2:2*32 mL	Hộp	4	3,607,253	14,429,013	
10	Hóa chất xét nghiệm định lượng Glucose	Glucose Kit/105-000888-00	Để xác định định lượng nồng độ Glu trong huyết thanh và huyết tương trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp: Glucose oxidase-Peroxidase (GOD-POD) method Dải tuyến tính: 0.3-25 mmol/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Phosphate buffer 100 mmol/L - Ascorbate oxidase 4700 U/L - Glucose oxidase 4000 U/L Hóa chất R2: - Phosphate buffer 100 mmol/L - Peroxidase 6700 U/L 4-Aminoantipyrine 0.7 mmol/L - p-Hydroxybenzoic acid sodium 1.3 mmol/L	Mindray/Trung Quốc	R1:4*40 mL+R2:2*20 mL	Hộp	32	1,920,667	61,461,333	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
11	Hóa chất xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol	HDL-Cholesterol Kit/105-000874-00	Để xác định định lượng nồng độ HDL-C trong huyết thanh trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro. Phương pháp đo: Direct Method Dải tuyến tính: 0.05-6.0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Good's buffer 100 mmol/L Cholesterol esterase 600 U/L Cholesterol oxidase 380 U/L Catalase 600 KU/L HDAOS 0.42 mmol/L - Hóa chất R2: Good's buffer 100 mmol/L 4-aminoantipyrine 1.0 mmol/L Peroxidase >2.8 U/mL Surfactant <2%	Mindray/Trung Quốc	R1:4*40 mL+R2:2*28 mL	Hộp	9	13,114,867	118,033,800	
12	Hóa chất xét nghiệm định lượng LDL-Cholesterol	LDL-Cholesterol Kit/105-000875-00	Để xác định định lượng nồng độ LDL-Cholesterol (LDL-C) trong huyết thanh, huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp đo: Direct Method Dải tuyến tính: 0.05-20 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Good's buffer 50 mmol/L Cholesterol esterase 600 U/L Cholesterol oxidase 500 U/L Catalase 600 KU/L TOOS 2 mmol/L - Hóa chất R2: Good's buffer 50 mmol/L 4-aminoantipyrine 4 mmol/L Peroxidase 4 U/mL	Mindray/Trung Quốc	R1:4*40 mL+R2:2*28 mL	Hộp	11	14,926,000	164,186,000	
13	Chất chuẩn HDL/LDL	Lipids Calibrator/105-001128-00	*Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích lipid trên hệ thống đo Mindray BS. *Thành phần: Lipids Calibrator (Chất chuẩn lipid) là một chất hiệu chuẩn đồng khổ dựa trên huyết thanh người. Nồng độ của các thành phần chất hiệu chuẩn cụ thể theo từng lô.	Mindray/Trung Quốc	5x1 mL	Hộp	2	4,665,000	9,330,000	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
14	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein	Total Cholesterol Kit/105-000859-00	Để xác định định lượng nồng độ TC trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro. Phương pháp đo: CHOD-POD Method Dải tuyến tính: 0.1-20.0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: - Phosphate buffer 100 mmol/L - Phenol 5 mmol/L 4-Aminoantipyrine 0.3 mmol/L - Cholesterol esterase >150 KU/L - Cholesterol oxidase >100 KU/L - Peroxidase 5 KU/L	Mindray/Trung Quốc	R: 6*40 mL	Hộp	10	2.205.233	22.052.333	
15	Hóa chất xét nghiệm định lượng Protein	Total protein Kit/105-000862-00	Để xác định định lượng nồng độ TP trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro Phương pháp đo: Biuret Method Dải tuyến tính: 2-120g/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: - Sodium-potassium tartrate 32 mmol/L - Sodium hydroxide 200 mmol/L - Potassium iodide 30 mmol/L - Cupric sulfate 12 mmol/L	Mindray/Trung Quốc	R: 6*40 mL	Hộp	1	2.052.600	2.052.600	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
16	Hóa chất xét nghiệm định lượng Triglycerides	Triglycerides Kit/105-000860-00	Để xác định định lượng nồng độ TG trong huyết thanh và huyết tương người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp đo: GPO-POD Method Dải tuyến tính: 0.1-12.5 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: - Phosphate buffer 50 mmol/L 4-Chlorophenol 5 mmol/L - ATP 2 mmol/L - Mg2+: 4.5 mmol/L - Glycerokinase ≥ 0.4 U/mL - Peroxidase ≥ 0.5 U/mL - Lipoprotein lipase ≥ 1.3 U/mL 4-Aminopyridine 0.25 mmol/L - Glycerol-3-phosphate-oxidase ≥ 1.5 U/mL	Mindray/Trung Quốc	R: 6*40 mL	Hộp	15	4,608,275	69,124,120	
17	Hóa chất xét nghiệm định lượng Urea	Urea Kit/105-000863-00	Để xác định định lượng nồng độ Urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chẩn đoán in vitro Phương pháp đo: Urease-GLDH, UV Method Dải tuyến tính: 0.9-40.0 mmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: - Tris buffer 120 mmol/L - ADP 750 mmol/L - Urease ≥ 40 KU/L - GLDH ≥ 0.4 KU/L - Hóa chất R2: - NADH 1.2 mmol/L α-Oxoglutarate 25 mmol/L	Mindray/Trung Quốc	R1: 6*40 mL + R2: 2*32 mL	Hộp	23	2,618,662	60,229,234	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
18	Hóa chất xét nghiệm định lượng Uric acid	Uric acid Kit/105-000887-00	Để xác định định lượng nồng độ uric acid trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro Phương pháp đo: Uricase-Peroxidase Method Dải tuyến tính: 20.8-1500 µmol/L Thành phần gồm: - Hóa chất R1: Phosphate buffer 70 mmol/L Peroxidase 5000 U/L Ascorbate oxidase 3000 U/L TOOS 0.72 mmol/L - Hóa chất R2: Phosphate buffer 70 mmol/L Peroxidase 10000 U/L 4-Aminopyrine 1.7 mmol/L Uricase 750 U/L	Mindray/Trung Quốc	R1:6*40 mL+R2:2*32 mL	Hộp	5	4.207.840	21.039.200	
19	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	C-Reactive Protein Kit/105-000841-00	Để xác định định lượng nồng độ CRP trong huyết thanh trên hệ thống đo quang trong chần đoán lâm sàng in vitro Phương pháp đo: Turbidimetry Method Dải tuyến tính: 2-250 mg/L Thành phần gồm: Hóa chất R1: - Tris buffer 100 mmol/L - PEG 0.26 mmol/L - Surfactant <2% (m/v) Hóa chất R2: - Tris buffer 100 mmol/L - Anti-human CRP antibody (goat)	Mindray/Trung Quốc	R1:1*40 mL+R2:1*10 mL	Hộp	40	8.008.333	320.333.333	
20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Specific Proteins Calibrator/105-001129-00	Specific Proteins Calibrator được sử dụng để hiệu chuẩn xác định định lượng chất phân tích proteins đặc hiệu trên hệ thống đo Mindray BS. Specific Proteins Calibrator là chất hiệu chuẩn lỏng dựa trên huyết thanh người.	Mindray/Trung Quốc	5 x 1 mL	Hộp	2	18.836.483	37.672.967	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
21	TotalProtein in Urine/CSF	Total Protein in Urine/CSF Kit/105-009169-00	Để xác định định lượng nồng độ TPUC trong nước tiểu và dịch tủy não người trên hệ thống đo quang trong chần đoán in vitro Phương pháp đo: Pyrogallol Red-Molybdate Method Dải tuyến tính: 20-2000 mg/L Thành phần gồm: - Hóa chất R: - Glycine buffer 50 mmol/L - Pyrogallol red 60 µmol/L - Molybdate 40 µmol/L - Surfactant 0.5 g/L - Calibrator: Total protein solution	Mindray/Trung Quốc	R:3*18 mL+Calibrator:1*1 mL	Hộp	1	876,333	876,333	
22	Chất kiểm chuẩn mức thấp hóa chất sinh hóa	ClinChem Multi Control (level 1)/105-009119-00	ClinChem Multi Control (level 1) được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo Mindray BS và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng ClinChem Multi Control (level 1) là chất kiểm soát đồng khô dựa trên huyết thanh người	Mindray/Trung Quốc	Lọ 5ml	Lọ	42	1,204,163	50,574,860	
23	Chất chứng mức cao hóa chất sinh hóa	ClinChem Multi Control (level 2)/105-009120-00	ClinChem Multi Control (level 2) được sử dụng trong kiểm soát chất lượng chất phân tích hóa học thông thường bằng cách giám sát độ chính xác và độ chụm của hệ thống đo Mindray BS và khả năng xét nghiệm của phòng xét nghiệm lâm sàng ClinChem Multi Control (level 2) là chất kiểm soát đồng khô dựa trên huyết thanh người	Mindray/Trung Quốc	Lọ 5ml	Lọ	42	976,135	40,997,670	
24	Chất chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số sinh hóa	Multi Sera Calibrator/105-001144-00	•Hóa chất hiệu chuẩn xác định định lượng các chất phân tích hóa học thường quy trên hệ thống đo Mindray BS. •Thành phần: Multi Sera Calibrator là một chất hiệu chuẩn đồng khô dựa trên huyết thanh người. Nồng độ hoặc hoạt độ của các thành phần chất hiệu chuẩn là cụ thể theo từng lọ.	Mindray/Trung Quốc	10x3 mL	Hộp	3	4,774,000	14,322,000	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VNĐ) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
25	Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì máy xét nghiệm sinh hóa tự động	CD80 Detergent Kit/105-000107-00	*Dung dịch rửa, dùng làm sạch định kì máy xét nghiệm sinh hóa tự động * Quy cách: 2 lít/hộp *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	Mindray/Trung Quốc	2 L	Can	56	7,289,333	408,202,667	
26	Bóng đèn sinh hóa	20W lamp Kit/801-BA80-00222-00	Bóng đèn 20W dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa	Mindray/Trung Quốc	1 cái	Cái	3	5,420,667	16,262,000	
II	Hoá chất sử dụng cho máy huyết học tự động BC-6000 và BC-6800plus, hãng Mindray									
1	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	DS Diluent/105-012283-00	*DS DILUENT tham gia đo các thông số liên quan đến RBC, PLT, WBC, RET và NRBC, tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000 hãng Mindray. *Quy cách: 20L x 1 *Thành phần: Borate Buffer: $\leq 0.5\%$ Sodium Chloride: $\leq 0.1\%$	Mindray/Trung Quốc	20L/thùng	Thùng	280	2,923,667	818,626,667	
2	Dung dịch tham gia tách phân thành phần bạch cầu	M-6LD Lyse/105-012288-00	*M-6LD LYSE tham gia quá trình phân biệt thành phần bạch cầu trong kênh DIFF cùng với M-6FD DYE dùng cho máy huyết học tự động BC-6000 hãng Mindray *Quy cách: 1L x 4 *Thành phần: Surfactant: $\leq 0.5\%$ Hepes Buffer: $\leq 0.5\%$	Mindray/Trung Quốc	1L x 4	Hộp	40	13,471,683	538,867,333	
3	Thuốc nhuộm tham gia tách phân thành phần bạch cầu	M-6FD Dye/105-012298-00	*M-6FD DYE tham gia quá trình phân biệt thành phần bạch cầu trong kênh DIFF cùng với M-6LD LYSE dùng cho máy huyết học tự động BC-6000 hãng Mindray. *Quy cách: 12mL x 4. *Thành phần: Fluorochrome: $\leq 0.01\%$ Ethylene Glycol: 94-99 %	Mindray/Trung Quốc	12mL x 4	Hộp	40	13,471,683	538,867,333	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VNĐ) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
4	Dung dịch ly giải hồng cầu	M-6LH Lyse/105-012292-00	*M-6LH LYSE tham gia vào việc đo các thông số liên quan đến hemoglobin, tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000 hãng Mindray Quy cách: 1L×4 *Thành phần: Surfactant: ≤0.5% Borate Buffer: ≤0.5%	Mindray/Trung Quốc	1L×4	Hộp	12	13,471,683	161,660,200	
5	Dung dịch ly giải hồng cầu non	M-6LN Lyse/105-012290-00	*M-6LN LYSE tham gia vào việc đo lường các thông số liên quan đến NRBC cùng với M-6FN DYE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000 hãng Mindray Quy cách: 1L×4 *Thành phần: Citrate Buffer: ≤0.5% Sodium Chloride: 0.10% Surfactant: 0.10%	Mindray/Trung Quốc	1L×4	Hộp	35	13,471,683	471,508,917	
6	Dung dịch nhuộm huỳnh quang xét nghiệm hồng cầu non	M-6FN Dye/105-012294-00	*M-6FN DYE tham gia vào việc đo lường các thông số liên quan đến NRBC cùng với M-6LN LYSE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC-6000 hãng Mindray. Quy cách: 12mL×4 *Thành phần: Fluorochrome: ≤0.01% Ethylene Glycol: 94-99 %	Mindray/Trung Quốc	12mL×4/Hộp	Hộp	40	3,152,500	126,100,000	
7	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Probe Cleanser/105-002225-00	Dung dịch rửa máy dùng cho các máy xét nghiệm huyết học Mindray Quy cách: 50ml x 1 Thành phần gồm: - Surfactant: ≤0.2% - Sodium hypochlorous : ≤12% - Sodium hydroxide: ≤5%	Mindray/Trung Quốc	50ml/lọ	Lọ	100	579,792	57,979,167	
8	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	SC-CAL PLUS Hematology Calibrator/105-003223-00	SC-CAL PLUS Hematology Calibrator là dung dịch hiệu chuẩn, dùng để xây dựng các đường hiệu chuẩn cho việc định lượng các thành phần huyết học, dùng cho máy xét nghiệm huyết học tự động; Quy cách: 3ml *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú, bảo quản trong một dung dịch mô phỏng huyết tương người.	Mindray/Trung Quốc	3ml/lọ	Lọ	1	1,960,883	1,960,883	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trù	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
9	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	BC-6D Hematology Control (2L, 2N, 2H)/105-002424- 00	Hóa chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm đếm tế bào máu *Thành phần: hồng cầu người, bạch cầu và tiểu cầu động vật có vú và bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương.	Mindray/Tru ng Quốc	6 x 4,5 ml (2L, 2N, 2H)	Hộp	12	17,033,065	204,396,780	
10	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học	M-6 DR DILUENT/105- 012286-00	*M-6DR DILUENT tham gia vào việc đo các thông số liên quan đến RET cùng với M-6FR DYE tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC- 6800Plus hãng Mindray. Quy cách: 1Lx4 *Thành phần: Tris Buffer: ≤ 1%.	Mindray/Tru ng Quốc	1Lx4	Hộp	6	10,014,583	60,087,500	
11	Dung dịch nhuộm tế bào dùng cho máy xét nghiệm huyết học	M-6FR Dye/105- 012296-00	*M-6FR DYE tham gia vào việc đo các thông số liên quan đến RET cùng với M-6DR DILUENT tương thích dùng cho máy huyết học tự động BC- 6800Plus hãng Mindray. Quy cách: 12mLx4 *Thành phần: Fluorochrome: ≤ 0.01% Ethylene Glycol: 94-99 %	Mindray/Tru ng Quốc	12mLx4	Hộp	6	36,895,833	221,375,000	
12	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số huyết học	BC-RET Hematology Control/105- 002432-00	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm hồng cầu lưới *Thành phần: tế bào của người và lợn, bảo quản trong một dung dịch tương tự huyết tương.	Mindray/Tru ng Quốc	4,5ml/lọ	Lọ	6	18,500,625	111,003,750	
III	Hóa chất vật tư dùng cho máy đông máu HumacLOT Pro									
1	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time	HEMOSTAT THROMBOPLAS TIN-SI/31002	Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. PT- SI có thể được sử dụng để xét nghiệm các yếu tố đông máu trong các con đường đông máu ngoại sinh và con đường chung. Thành phần gồm có: - Hóa chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Cholesterol natri > 10%, Sodium azide < 0,01% - Dệm CaCl ₂ chứa Sodium azide < 0,01%	Diagon Kft/Hungary	6x2ml/Hộp	Hộp	60	2,587,600	155,256,000	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
2	Hóa chất xét nghiệm APTT	HEMOSTAT aPTT-EL/33002	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin năo thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0.01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl ₂ 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định.	Diagon Kit/Hungary	6x4ml/Hộp	Hộp	15	6,220,000	93,300,000	
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng Fibrinogen	HEMOSTAT FIBRINOGEN/32002	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2ml, thành phần: thrombin người 80 - 100 IU/ml, sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100mL, pH 7.4 ± 0.2, thành phần: imidazole 0,05mol/l, đệm và chất ổn định. - Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: huyết tương người, sodium azide < 0,01%.	Diagon Kit/Hungary	5x2ml/Hộp	Hộp	3	3,706,167	11,118,500	
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng D-Dimer	HEMOSTAT D-DIMER/36002	HUMAN HEMOSTAT D-DIMER là một xét nghiệm dùng để xác định định lượng D-dimer trong huyết tương chống đông bằng citrate. Thành phần gồm có: - Hóa chất D-Dimer latex (sẵn sàng sử dụng) 2x1ml. Thành phần: Các hạt polystyrene phủ kháng thể đơn dòng (chuột), đệm HEPES 10 mmol/l, albumin huyết thanh bò, chất hoạt động bề mặt, sodium azide 0,05%. - Đệm phản ứng (sẵn sàng sử dụng) 2x2,5ml, thành phần: đệm HEPES 100 mmol/l, NaCl 400 mmol/l, sodium azide 0,05%. - Calibrator (dạng đông khô) 1x1ml, thành phần: huyết tương người chứa D-dimer, đệm HEPES 33 mmol/l. - Diluent (sẵn sàng sử dụng) 1x6ml, thành phần: đệm phosphate 20 mmol/l, sodium azide < 0,1%.	Nordic Biomarker AB/Thụy Điển	2x1ml/Hộp	Hộp	12	6,093,250	73,119,000	
5	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm đông máu	HEMOSTAT CALIBRATOR/3500	Hóa chất hiệu chuẩn, được sử dụng để hiệu chuẩn các xét nghiệm để phân tích Prothrombin Time (PT) và Antithrombin. Hộp 4x1ml (dạng đông khô) Calibrator chứa: Mẫu gộp huyết tương người, sodium azide < 0.01%	Diagon Kit/Hungary	4x1ml/Hộp	Hộp	1	2,658,355	2,658,355	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
6	Cuvette dùng cho máy xét nghiệm đông máu	Cuvette Rings HumaClot Pro/15800/10	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động HumaClot Pro	Human/Đức	6x10x32/hộp	Hộp	5	15,460,650	77,303,250	
7	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	HumaClot Pro - Wash Solution (code: 15800/20)/15800/20	Dung dịch Wash Solution dùng để làm sạch kim hút nhằm ngăn ngừa nhiễm chéo trên máy HumaClot Pro. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần của Wash Solution: - Buffered Salt Solution - Imidazole 0.1mol/l - HCl 0.1mol/l - Detergent 0.02%	Human/Đức	5 x 15 ml	Hộp	25	1,803,950	45,098,750	
8	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm đông máu	HumaClot Pro - Cleaner (code: 15800/30)/15800/30	Dung dịch HumaClot Pro - Cleaner dùng để làm sạch thường xuyên trạm rửa, ống thái, kim hút và bơm chất thải của máy phân tích đông máu HumaClot Pro, làm giảm nguy cơ lây nhiễm vật liệu sinh học. Quy cách: 5 x 15 ml. Thành phần: Aqueous Solution	Human/Đức	5 x 15 ml	Hộp	12	1,803,950	21,647,400	
9	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu mức bình thường	HEMOSTAT CONTROL PLASMA NORMAL/35001	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bình thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01%.	Diagon Kft/Hungary	6x1ml	Hộp	20	2,736,083	54,721,667	
10	Hóa chất kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu mức bất thường	HEMOSTAT CONTROL PLASMA ABNORMAL/35002	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để theo dõi hiệu suất các xét nghiệm đông máu thường quy mức bất thường. Hộp 6x1ml gồm có: Huyết tương người dạng đông khô, sodium azide < 0.01%.	Diagon Kft/Hungary	6x1ml	Hộp	20	3,186,567	63,731,333	
11	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng D-Dimer	HEMOSTAT D-DIMER CONTROL HIGH/LOW/36012	Hóa chất kiểm chuẩn, dùng để kiểm soát hiệu suất của xét nghiệm định lượng D-Dimer HEMOSTAT D-DIMER. Thành phần tối thiểu gồm: - D-Dimer control plasma, đương cao: 2x1ml (huyết tương người, nắp trắng cùng chấm vàng) - D-Dimer control plasma, đương thấp: 2x1ml (huyết tương người, nắp trắng).	Diagon Kft/Hungary	4x1ml	Hộp	6	10,496,250	62,977,500	
IV	Hoà chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy điện giải EasyElectrolytes, hãng Medica/Mỹ									

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
1	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Na, K, Cl	EasyElectrolytes Reagent Module, Na+/K+/Cl-/4102-0000	*Mô-dun hóa chất sử dụng trong chẩn đoán in vitro với máy phân tích EasyElectrolyte. *Thành phần: - 960 mL Calibrant A 140 mmol/L Na⁺, 4.00 mmol/L K⁺, 125 mmol/L Cl⁻, đậm, chất bảo quản, wetting agent - 500 mL Calibrant B 70.0 mmol/L Na⁺, 8.00 mmol/L K⁺, 41.0 mmol/L Cl⁻, đậm, Chất bảo quản, và wetting agent - Waste Container (Hộp chứa túi đựng thải)	Medica/Mỹ	960 mL Calibrant A + 500 mL Calibrant B	Hộp	35	8,813,613	308,476,467	
2	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	EasyLyte/EasyStat/ EasyBloodGas/EasyElectrolytes Daily Rinse/Cleaning Solution Kit /2118	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Không có Ammonium Bifluoride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 mL, HCl (0, 1N) và muối - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Medica/Mỹ	1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Hộp	3	3,285,333	9,856,000	
3	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số điện giải mức 1	EasyQC Level 1 BloodGas and Electrolyte Quality Control/6303	Hoà chất kiểm chuẩn chất lượng mức 1 EasyQC Level 1 dùng cho máy phân tích khí máu Easyblood Gas và EasyStat của hãng Medica/Mỹ. Thành phần: EasyQC Level 1 chứa đậm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O₂, CO₂, không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người. Quy cách: 30 ống (ampules) x 1.7mL/hộp.	Medica/Mỹ	(30 x 1.7mL)/hộp	Hộp	1	3,900,658	3,900,658	
4	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số điện giải mức 2	EasyQC Level 2 BloodGas and Electrolyte Quality Control/6304	Hoà chất kiểm chuẩn chất lượng mức 2 EasyQC Level 2 dùng cho máy phân tích khí máu Easyblood Gas và EasyStat của hãng Medica/Mỹ. Thành phần: EasyQC Level 2 chứa đậm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O₂, CO₂, không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người. Quy cách: 30 ống (ampules) x 1.7mL/hộp.	Medica/Mỹ	(30 x 1.7mL)/hộp	Hộp	1	3,900,658	3,900,658	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
5	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số điện giải mức 3	EasyQC Level 3 BloodGas and Electrolyte Quality Control/6305	Hóa chất kiểm chuẩn chất lượng mức 3 EasyQC Level 3 dùng cho máy phân tích khí máu Easyblood Gas và EasyStat của hãng Medica/Mỹ. Thành phần: EasyQC Level 3 chứa đệm bicarbonate, dung dịch electrolyte cân bằng O ₂ , CO ₂ , không chứa chất bảo quản và không chứa các thành phần có nguồn gốc từ người. Quy cách: 30 ống (ampoules) x 1.7mL/hộp.	Medica/Mỹ	(30 x 1.7mL)/hộp	Hộp	1	3,913,658	3,913,658	
V	Hóa chất, vật tư tiêu hao dùng cho máy điện giải EasyLyte, hãng Medica/Mỹ							-	-	
1	Bộ hóa chất xét nghiệm định lượng Na, K, Cl, Ca, Li	EasyLyte Na/K/Cl/Ca/Li Solutions Pack, 800ml/2124	*Pack EasyLyte Na / K / Cl / Ca / Li Solutions Pack sử dụng cho việc xác định định lượng của các ion Natri (Na +), Kali (K +), Clorua (Cl -), Canxi (Ca ++) và Lithium (Li +) trong huyết thanh, huyết tương người, mẫu toàn phần và nước tiểu (kết quả nước tiểu chỉ có thông số Na +, K + và Chỉ Cl-) bằng máy xét nghiệm điện giải EasyLyte expand. *Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na+; 4.0 mmol/L K+; 125.0 mmol/L Cl-; 1.25 mmol/L Ca++; 1.00 mmol/L Li+; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na+; 16.0 mmol/L K+; 41.0 mmol/L Cl-; 2.50 mmol/L Ca++; 0.40 mmol/L Li+; Buffer; Chất bảo quản; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container	Medica/Mỹ	800ml/hộp	Hộp	45	10,178,500	458,032,500	
2	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm điện giải	EasyLyte Calcium/EasyLyte Expand Daily Rinse/Cleaning Solution Kit/7118	Dung dịch làm sạch hàng ngày để loại bỏ các cặn protein trên các máy xét nghiệm điện giải, khí máu hãng Medica/Mỹ (Có Ammonium Bifluoride) Thành phần 1 hộp gồm: - Daily Cleaner Diluent- Pha loãng rửa hàng ngày: 1 lọ 90 ml HCl (0.2 N), NH ₄ HF ₂ (0.05N) và muối. - Daily Cleaner Powder - Chất rửa hàng ngày dạng bột: 6 lọ, pepsin 0.5g	Medica/Mỹ	1 lọ Rinse 90 mL + 6 lọ Pepsin	Hộp	5	2,343,800	11,719,000	
3	Hóa chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng các thông số điện giải	EasyQC Bi-Level Quality Control Kit/2814	*Dung dịch kiểm chuẩn cho các xét nghiệm phân tích điện giải (bao gồm test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH) với 2 mức bình thường và bất thường. *Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	Medica/Mỹ	2 x 10 ml/hộp	Hộp	20	2,583,333	51,666,667	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
4	Dung dịch ngâm điện cực dùng cho máy xét nghiệm điện giải	EasyLyte Internal Filling Solution/2492	Dung dịch ngâm điện cực, lọ 125 mL chứa KCl, dùng cho máy xét nghiệm điện giải hãng Medica/Mỹ	Medica/Mỹ	Lọ 125 ml	Lọ	1	2,668,296	2,668,296	
V1	Hao máy miễn dịch CL-900i, CL-1000i, CL-1200i, CL-2000i hãng Mindray									
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng FT4	FREE THYROXINE (CLIA)/105-004209-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.3-6.0 ng/dL *Thành phần: - Ra: vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm TRIS cùng chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T4 - alkaline phosphatase trong đệm MES cùng chất bảo quản. - Rc: T4 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản.	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	36	3,590,917	129,273,000	
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng T3	TOTAL TRIODOTHYRONINE (CLIA)/105-004210-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm miễn dịch liên kết cạnh tranh *Dải báo cáo: 0.2 ng/mL-8.0 ng/mL *Thành phần: - Ra: Vi hạt thuận từ được phủ với streptavidin trong đệm HEPES với chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng T3 - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản - Rc: T3 gắn biotin trong đệm PBS với chất bảo quản - Rd: 8-Anilino-1-Naphthalenesulfonic Acid (ANS) trong đệm MES với chất bảo quản	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	36	3,590,917	129,273,000	
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng TSH	THYROID-STIMULATING HORMONE (CLIA)/105-004212-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.005-100 µIU /mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ với kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TSH trong đệm MES với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể kháng TSH - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	38	3,590,917	136,454,833	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
4	Hóa chất xét nghiệm định lượng β -HCG	TOTAL β HUMAN CHORIONIC GONADOTROPHIN (CLIA)/105-004221-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng tổng số β human chorionic gonadotropin (Total β HCG) trong huyết thanh người. *Nguyên lý đo: xét nghiệm sandwich 2 điểm *Dải báo cáo: 0.5-5000 mIU/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng β HCG trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng (chuột) kháng β HCG - alkaline phosphatase trong bộ đệm PBS với chất bảo quản. - Rc: Đệm TRIS có chất bảo quản.	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	34	4.753.333	161.613.333	
5	Hóa chất xét nghiệm định lượng TnI	TROPONIN I/105-005659-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng TnI trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0.006-50 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng TnI trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể (chuột) kháng TnI - alkaline phosphatase trong dung dịch đệm MES với chất bảo quản. - Rc: Dung dịch tiền xử lý mẫu có chất bảo quản.	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	15	6.613.333	99.200.000	
6	Hóa chất xét nghiệm định lượng BNP	B-TYPE NATRIURETIC PEPTIDE (CLIA)/105-005660-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng B-type natriuretic peptide (BNP) trong huyết tương EDTA người *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 10-5000 pg/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng BNP trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng BNP (chuột) - alkaline phosphatase trong dung dịch đệm MES với chất bảo quản.	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	5	28.933.333	144.666.667	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
7	Hóa chất xét nghiệm định lượng NT-Pro BNP	NT-proBNP/105-027044-00	Là xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang (CLIA) để phát hiện định lượng NT-proBNP trong huyết thanh và huyết tương người. * - Thành phần: + Ra: Vi hạt từ tính được phủ kháng thể kháng NT-proBNP trong dung dịch đệm MES 50mM. Nồng độ tối thiểu: 0,3 g/L. Chất bảo quản: 0,02% BND và 0,05% Proclin 300. + Rb: Kháng thể kháng NT-proBNP gắn liền hợp với enzyme alkaline phosphatase trong dung dịch đệm MES 50mM. Nồng độ tối thiểu: 0,25 mg/L. Chất bảo quản: 0,02% BND và 0,05% Proclin 300. + Rc: Dung dịch pha loãng mẫu trong dung dịch đệm MES 50mM. Chất bảo quản: 0,02% BND và 0,05% Proclin 300. * - Đặc điểm hiệu suất: + Giới hạn nền (Limit of Blank), Giới hạn phát hiện (Limit of Detection) và Giới hạn định lượng (Limit of Quantitation) Giới hạn nền = 6 pg/mL. Giới hạn phát hiện = 10 pg/mL. Giới hạn định lượng = 30 pg/mL. + Có độ chính xác với hệ số biến thiên (CV) trong thiết bị $\leq 10\%$. + Độ tuyến tính trong khoảng từ 10 đến 35.000 pg/mL, với hệ số tương quan $r \geq 0,9900$.	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	10	35,061,167	350,611,667	
8	Hóa chất xét nghiệm định lượng CK-MB	CREATINE KINASE MB (CLIA)/105-005662-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng Creatine Kinase MB (CK-MB) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0,1-300 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng CK-MB trong đệm TRIS với chất bảo quản. - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng kháng CK-MB (chuột) - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	15	7,812,000	117,180,000	
9	Hóa chất xét nghiệm định lượng Procalcitonin	PROCALCITONIN (CLIA)/105-010703-00	*Hóa chất xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. *Nguyên lý đo: Xét nghiệm miễn dịch 2 điểm *Dải báo cáo: 0,02-100 ng/mL *Thành phần: - Ra: Các vi hạt thuận từ được phủ kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT trong đệm TRIS có chất bảo quản - Rb: Liên hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng PCT - alkaline phosphatase trong đệm MES với chất bảo quản.	Mindray/Trung Quốc	2*50 Test/hộp	Hộp	8	25,330,217	202,641,733	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
10	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	FREE T4 CALIBRATORS/I 05-004278-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng free thyroxine (FT4) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq; C2:1×2.0 mL/lq *Thành phần: FT4 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	Mindray/Trung Quốc	3×2ml	Hộp	3	2,906,972	8,720,917	
11	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	TOTAL T3 CALIBRATORS/I 05-004279-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng total triiodothyronine (T3) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq; C2:1×2.0 mL/lq *Thành phần: T3 tổng hợp ở 3 mức nồng độ	Mindray/Trung Quốc	3×2ml	Hộp	2	2,906,972	5,813,944	
12	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	TSH CALIBRATORS/I 05-004281-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng thyroid-stimulating hormone (TSH) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq; C2:1×2.0 mL/lq *Thành phần: C0: đệm albumin huyết thanh bò (BSA), C1, C2: TSH ở 2 mức nồng độ.	Mindray/Trung Quốc	3×2ml	Hộp	4	2,906,972	11,627,889	
13	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β-HCG	TOTAL β HCG CALIBRATORS/I 05-004290-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Total β human chorionic gonadotropin (HCG) *Quy cách: C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq; C2:1×2.0 mL/lq *Thành phần: HCG trong đệm Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	Mindray/Trung Quốc	3×2ml	Hộp	3	3,233,102	9,699,307	
14	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I	TROPONIN I CALIBRATORS/I 05-005910-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Troponin I *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq; C2:1×2.0 mL/lq *Thành phần: Troponin I ở 3 mức nồng độ	Mindray/Trung Quốc	3×2ml	Hộp	4	3,926,667	15,706,667	
15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP	BNP CALIBRATORS/I 05-005911-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng B-type natriuretic peptide (BNP) *Quy cách : C0:1×2.0 mL/lq; C1:1×2.0 mL/lq; C2:1×2.0 mL/lq *Thành phần: BNP ở 3 mức nồng độ	Mindray/Trung Quốc	3×2ml	Hộp	2	5,842,840	11,685,680	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng NT-Pro BNP	NT-proBNP Calibrators/105- 027049-00	- Được sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng N-terminal pro B- type natriuretic peptide (NT-proBNP) trên hệ thống máy phân tích miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray. - Thành phần: C0, C1, C2: proBNP trong dung dịch đệm albumin huyết thanh bò (BSA) ở ba mức nồng độ, với chất bảo quản gồm 0,05% ProClin 300 và 0,09% natri azide. - Quy cách: C0: 4 x 0.35 mL/lọ C1: 4 x 0.30 mL/lọ C2: 4 x 0.30 mL/lọ	Mindray/Tru ng Quốc	C0: 4 x 0.35 mL/lọ C1: 4 x 0.30 mL/lọ C2: 4 x 0.30 mL/lọ	Hộp	3	6,851,167	20,553,500	
17	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CK-MB	CK-MB Calibrators/105- 005913-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Creatine Kinase MB (CK- MB) *Quy cách : C0:1x2.0 mL/lọ; C1:1x2.0 mL/lọ; C2:1x2.0 mL/lọ *Thành phần: CK-MB ở 3 mức nồng độ	Mindray/Tru ng Quốc	3x2ml	Hộp	4	3,010,791	12,043,163	
18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Procalcitonin	PCT CALIBRATORS/1 05-010219-00	*Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Procalcitonin (PCT) *Quy cách: C0:1x1.2 mL/lọ; C1:1x1.0 mL/lọ; C2:1x1.0 mL/lọ *Thành phần: PCT trong dung dịch Albumin huyết thanh bò (BSA) ở 3 mức nồng độ	Mindray/Tru ng Quốc	C0:1x1.2 mL; C1:1x1.0 mL; C2:1x1.0 mL	Hộp	2	1,286,417	2,572,833	
19	Hóa chất kiểm tra mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	THYROID FUNCTION MULTI CONTROL (L)/105-007379-00	*Hóa chất kiểm tra mức thấp cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg *Quy cách : 3x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.	Mindray/Tru ng Quốc	Lọ 5ml	Lọ	21	1,481,109	31,103,286	
20	Hóa chất kiểm tra mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	THYROID FUNCTION MULTI CONTROL (H)/105-007380- 00	*Hóa chất kiểm tra mức cao cho các xét nghiệm FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg *Quy cách : 3x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FT3, FT4, T3, T4, TSH, Tg.	Mindray/Tru ng Quốc	Lọ 5ml	Lọ	21	1,481,109	31,103,286	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng không dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
21	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	REPRODUCTIVE MULTI CONTROL (L)/105-004266-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estrinol, Total β HCG *Quy cách : 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estrinol, Total β HCG	Mindray/Trung Quốc	Lọ 5ml	Lọ	15	2.075,783	31,136,738	
22	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng các thông số miễn dịch	REPRODUCTIVE MULTI CONTROL (H)/105-004267-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estrinol, Total β HCG *Quy cách : 6x5 mL/hộp *Thành phần: các chất FSH, Prolactin, Estradiol, Progesterone, LH, Testosterone, Estrinol, Total β HCG	Mindray/Trung Quốc	Lọ 5ml	Lọ	15	2.075,783	31,136,738	
23	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	CARDIAC MARKER MULTI CONTROL (L)/105-005941-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: các chất Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Mindray/Trung Quốc	Lọ 2ml	Lọ	35	791,433	27,700,167	
24	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng TnI, BNP, MYO, CK-MB	CARDIAC MARKER MULTI CONTROL (H)/105-005942-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: các chất Troponin I, BNP, CK-MB, Myoglobin	Mindray/Trung Quốc	Lọ 2ml	Lọ	35	964,217	33,747,583	
25	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng NT-Pro BNP	NT-proBNP Control (L)/105-035649-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng NT-Pro BNP *Quy cách: 3x 0.50 mL/lọ *Thành phần: chứa chất phân tích pro B-type natriuretic peptide trong dung dịch đệm albumin huyết thanh bò (BSA), với chất bảo quản gồm 0,09% natri azide và 0,05% ProClin 300.	Mindray/Trung Quốc	Lọ 0.5ml	Lọ	12	1.504,267	18,051,200	
26	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng NT-Pro BNP	NT-proBNP Control (H)/105-035738-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng NT-Pro BNP *Quy cách: 3x 0.50 mL/lọ *Thành phần: chứa chất phân tích pro B-type natriuretic peptide trong dung dịch đệm albumin huyết thanh bò (BSA), với chất bảo quản gồm 0,09% natri azide và 0,05% ProClin 300.	Mindray/Trung Quốc	Lọ 0.5ml	Lọ	12	1.504,267	18,051,200	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/Nước sản xuất	Quy cách	ĐVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VNĐ) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
27	Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp xét nghiệm định lượng Procalcitonin	PCT CONTROL (L)/105-010228-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức thấp cho các xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: procalcitonin	Mindray/Trung Quốc	Lọ 2ml	Lọ	18	434,676	7.824,175	
28	Hóa chất kiểm chuẩn mức cao xét nghiệm định lượng Procalcitonin	PCT CONTROL (H)/105-010238-00	*Hóa chất kiểm chuẩn mức cao cho các xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) *Quy cách : 3x2 mL/hộp *Thành phần: procalcitonin	Mindray/Trung Quốc	Lọ 2ml	Lọ	18	579,683	10.434,300	
29	Cuvet dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Reaction cuvettes for CL-900i, 1000i, 1200i/115-035753-00	*Cuvette phản ứng dùng cho máy CL-900i, 1000i, 1200i *Quy cách: 21*2*88/thùng (Mỗi thùng có 21 hộp, mỗi hộp có 2 khay, mỗi khay có 88 cuvette)	Mindray/Trung Quốc	(21*2*88)/thùng	Thùng	5	12.809,526	64.047,632	
30	Dung dịch kích hoạt phản ứng hóa phát quang trong xét nghiệm miễn dịch	Substrate solution/105-009044-00	*Thuốc thử dùng cho các máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang dòng CL của Mindray *Thành phần: Dung dịch đệm chứa AMPPD, chất huỳnh quang và chất hoạt động bề mặt.	Mindray/Trung Quốc	75 ml * 4	Hộp	15	6,739,162	101,087,425	
31	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Wash Buffer/105-004552-00	*Wash Buffer là dung dịch dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch các dòng CL của Mindray. *Thành phần: Đệm Tris, chất hoạt động bề mặt, chất bảo quản	Mindray/Trung Quốc	10 L/thùng	Thùng	60	3,740,667	224,440,000	
32	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm	CD 80 Detergent/105-000748-00	*Dung dịch rửa, làm sạch kim hút bệnh phẩm/ hóa chất, mixer và cuvettes của máy xét nghiệm * Quy cách: 1 lít/chai *Thành phần: KOH, chất hoạt động bề mặt không ion, chất hoạt động bề mặt polyanionic, chất đệm và chất ổn định.	Mindray/Trung Quốc	1 L/chai	Chai	6	3,720,000	22,320,000	
33	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Sample Diluent /105-004628-00	*Hóa chất được sử dụng để pha loãng các mẫu có nồng độ chất phản ứng đã vượt quá phạm vi đo của hóa chất xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang *Thành phần: Dung dịch muối được đệm TRIS với albumin huyết thanh bò, huyết thanh dê, chất hoạt động bề mặt, sodium azide và ProClin 300	Mindray/Trung Quốc	6*8 mL	Hộp	2	3,771,667	7,543,333	

ST T	Danh mục hàng hóa	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Hãng/ Nước sản xuất	Quy cách	DVT	Số lượng khoa dự trữ	Giá kế hoạch (Giá trung bình của 3 báo giá)	Thành tiền (VND) (Bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú
VII	Hoá chất vật tư dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu									
1	Que thử nước tiểu 10 thông số	Aurion Sticks 10V/102595	Que thử nước tiểu 10 thông số tương thích sử dụng trên máy xét nghiệm nước tiểu PU-4010, AE-4020 và AX-4060 của hãng Arkray	ARKRAY /Philippines	Hộp		500	779,333	389,666,667	
VIII	Hóa chất xét nghiệm A1C									
1	Bộ hóa chất xét nghiệm HbA1c bằng phương pháp HPLC	HbA1c Reagent Kits (HPLC)/03-R02B100-00003, 03-1A2D000-00007	Bộ hóa chất này dùng để phân lập HbA1c từ mẫu bệnh phẩm của người và được sử dụng để định lượng hàm lượng HbA1c trong mẫu toàn phần của người bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) trên máy phân tích Hemoglobin tự động hoàn toàn H8. Quy cách: 800 Mẫu /Bộ *Bộ hóa chất bao gồm các vật tư cho 800 mẫu xét nghiệm bao gồm 4 hộp hóa chất (mỗi hộp 200 xét nghiệm) và một cột sắc ký HbA1c - 2 bộ Dung Dịch Rửa Giải A. Mỗi chai chứa 800 mL dung dịch đệm Phosphate - 1 bộ Dung Dịch Đệm Rửa Giải B. Mỗi chai chứa 700 mL dung dịch đệm Phosphate - 1 bộ Dung Dịch Đệm Rửa Giải C. Mỗi chai chứa 800 mL dung dịch đệm Phosphate - 1 bộ Dung Dịch Ly Giải Hồng Cầu L. Mỗi can chứa 5000 mL nước khử ion • Phạm vi báo cáo: - Độ nhạy: Giới hạn phát hiện <3% - Phạm vi đo: 3% ~ 18% - Độ chính xác: Kiểm tra một chất chuẩn với nồng độ đã biết, độ lệch tương đối của nồng độ đo được và nồng độ của chất chuẩn phải nằm trong phạm vi ± 6% - Độ chính xác trong xét nghiệm: CV≤3% - Độ chính xác giữa các xét nghiệm: CV≤3% - Nồng độ hemoglobin glycosylated được biểu thị bằng đơn vị NGSP (%) và đơn vị IFCC (mmol/mol), công thức chuyển đổi: IFCC= (NGSP-2.15) × 10.929 • Phạm vi tham chiếu: 4,0%-6,1% Giá trị tham chiếu được tính bằng cách đo hàm lượng HbA1c trong mẫu toàn phần ở một số quần thể khỏe mạnh.	Lifotronic/ Trung Quốc	800 Mẫu / Bộ	Bộ	6	53,733,333	322,400,000	
2	Hóa chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm HbA1c bằng phương pháp HPLC	HbA1c Control Material/03-R02B010-00019	"Hóa chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm HbA1c bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) bao gồm 1 lọ hóa chất kiểm soát mức 1 và 1 lọ hóa chất kiểm soát mức 2. Quy cách: 0,1 mL x 2/ Hộp	Lifotronic/ Trung Quốc	0,1 mL x 2/ Hộp	Hộp	6	1,256,733	7,540,400	
3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HbA1c bằng phương pháp HPLC	HbA1c Calibrator/03-R02B020-00005	Chất hiệu chuẩn được sử dụng để xác định phần trăm HbA1c trong mẫu người bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC) bao gồm 1 lọ chất hiệu chuẩn mức 1 và 1 lọ chất hiệu chuẩn mức 2. Quy cách: 0,1 mL x 2/ Hộp	Lifotronic/ Trung Quốc	0,1 mL x 2/ Hộp	Hộp	3	1,256,733	3,770,200	
193	Danh mục									
Số tiền tổng cộng: Chín tỷ sáu trăm năm mươi chín triệu tám trăm chín mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi một đồng.-									9,659,894,561	

DANH MỤC HÓA CHẤT MÁY AU-480

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
1	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	AMMONIA/ETHANOL/CO2 CONTROL I Mã hàng hóa: 18063 Hãng sản xuất: BioSystems S.A., Tây Ban Nha Quy cách đóng gói: 3x5ml/ Hộp	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	Tây Ban Nha	3x5ml/ Hộp	Hộp	3	1,516,631	4,549,891.50	
2	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	AMMONIA/ETHANOL/CO2 CONTROL II Mã hàng hóa: 18064 Hãng sản xuất: BioSystems S.A., Tây Ban Nha Quy cách đóng gói: 3x5ml/ Hộp	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	Tây Ban Nha	3x5ml/ Hộp	Hộp	3	1,516,631	4,549,891.50	
3	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO2	AMMONIA/ETHANOL/CO2 CALIBRATOR Mã hàng hóa: 18065 Hãng sản xuất: BioSystems S.A., Tây Ban Nha Quy cách đóng gói: 2x5ml/ Hộp	Dạng dung dịch, thành phần: dung dịch đệm, chứa: amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat	Tây Ban Nha	2x5ml/ Hộp	Hộp	1	660,692	660,691.50	
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	ETHANOL Mã hàng hóa: 21789 Hãng sản xuất: BioSystems S.A., Tây Ban Nha Quy cách đóng gói: 2x20ml+2x7ml/ Hộp	Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE	Tây Ban Nha	2x20ml+2x7ml/ Hộp	Hộp	10	2,806,083	28,060,830.00	
5	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	SYSTEM CALIBRATOR Mã hàng hóa: 66300 Hãng sản xuất: Bio-Rad Laboratories Inc., Mỹ Quy cách đóng gói: 1x5ml/ Lọ	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy: Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, đồng vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Total Protein, Triglyceride, UIBC, Urea, Uric Acid, Bilirubin, Inorganic Phosphorous, Calcium, Iron, Magnesium	Mỹ	1x5ml/ Lọ	Lọ	14	586,457	8,210,391.00	
6	Định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy	URINE/CSF ALBUMIN Mã hàng hóa: B38858 Hãng sản xuất: Beckman Coulter, Inc., Mỹ Quy cách đóng gói: 4x32.6ml+4x4.4ml/ Hộp	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; Thành phần: Đệm Phosphat 18 mmol/L; Kháng thể để kháng Albumin người; Polyethylene glycol 8000 3.6%; Sodium azit <0.1% (w/w); Phương pháp: Đo độ đục miễn dịch; Dải đo: Nước tiểu: 0.7-45 mg/dL (7-450 mg/L); Dịch não tủy: 1-45 mg/dL (10-450 mg/L); Bước sóng: 380nm; Loại mẫu: Nước tiểu, dịch não tủy; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chệch toàn phần: CV ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/ 1 mL: 3 test	Mỹ	4x32.6ml+4x4.4ml/ Hộp	Hộp	13	13,098,641	170,282,333.00	
7	Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	URINE/CSF ALBUMIN CALIBRATOR Mã hàng hóa: B38859 Hãng sản xuất: Beckman Coulter, Inc., Mỹ Quy cách đóng gói: 5x2ml/ Hộp	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF; Thành phần: Albumin người và Natri azit < 0.1% (w/w); Chất hiệu chuẩn 5 nước; Các giá trị hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo các nguyên liệu tham chiếu đã được chứng nhận IFCC (International Federation of Clinical Chemistry)	Mỹ	5x2ml/ Hộp	Hộp	1	15,753,539	15,753,538.50	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
8	Bóng đèn	Photometer Lamp, 12V 20W Mã hàng hóa: MU988800 Hãng sản xuất: Quy cách đóng gói: 1 Cái	Bóng đèn Halogen, 12V, 20W	Nhật Bản	1 Cái	Cái	4	4,027,661	16,110,644.00	
9	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	CONTROL SERUM 1 Mã hàng hóa: ODC0003 Hãng sản xuất: Bio-Rad Laboratories Inc., Mỹ Quy cách đóng gói: 1x5ml/ Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1: Thành phần: Huyết thanh người đang đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1.	Mỹ	1x5ml/ Lọ	Lọ	25	636,300	15,907,500.00	
10	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	CONTROL SERUM 2 Mã hàng hóa: ODC0004 Hãng sản xuất: Bio-Rad Laboratories Inc., Mỹ Quy cách đóng gói: 1x5ml/ Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2: Thành phần: Huyết thanh người đang đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein, UIBC, Urea, Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1.	Mỹ	1x5ml/ Lọ	Lọ	26	639,482	16,626,519.00	
11	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	HDL/LDL CHOLESTEROL CONTROL SERUM Mã hàng hóa: ODC0005 Hãng sản xuất: SERO AS, Na Uy Quy cách đóng gói: 1x5ml/ Lọ	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người đang đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (nguồn); Chất kiểm chứng 2 mức; Các giá trị có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL và LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control).	Na Uy	1x5ml/ Lọ	Lọ	26	793,254	20,624,604.00	
12	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	HDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR Mã hàng hóa: ODC0011 Hãng sản xuất: FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản Quy cách đóng gói: 2x3ml/ Hộp	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người đang bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (nguồn); Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu HDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control).	Nhật Bản	2x3ml/ Hộp	Hộp	1	5,768,060	5,768,059.50	
13	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	LDL-CHOLESTEROL CALIBRATOR Mã hàng hóa: ODC0012 Hãng sản xuất: FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản Quy cách đóng gói: 2x1 ml/ Hộp	Hóa chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người đang bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (nguồn); Chất hiệu chuẩn 1 mức; Giá trị chất hiệu chuẩn có thể được truy xuất theo phương pháp tham chiếu LDL-cholesterol của US CDC (Centre for Disease Control).	Nhật Bản	2x1ml/ Hộp	Hộp	1	6,853,951	6,853,951.00	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
14	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	ITA CONTROL SERUM LEVEL 1 Mã hàng hóa: ODC0014 Hãng sản xuất: Clinica Corporation, Mỹ Quy cách đóng gói: 1x2ml/ Lọ	Hoà chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin, α -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Immunoglobulin A; Immunoglobulin M; Immunoglobulin G; Ceruloplasmin; C3; Prealbumin; C4; Rheumatoid Factor; C-reactive protein; Transferrin	Mỹ	1x2ml/ Lọ	Lọ	10	3,483,984	34,839,840.00	
15	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	ITA CONTROL SERUM LEVEL 2 Mã hàng hóa: ODC0015 Hãng sản xuất: Clinica Corporation, Mỹ Quy cách đóng gói: 1x2ml/ Lọ	Hoà chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: huyết thanh người, α -1 acidglycoprotein, Ferritin, α -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin; Chất kiểm chứng 1 mức	Mỹ	1x2ml/ Lọ	Lọ	10	3,434,088	34,340,880.00	
16	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	ITA CONTROL SERUM LEVEL 3 Mã hàng hóa: ODC0016 Hãng sản xuất: Clinica Corporation, Mỹ Quy cách đóng gói: 1x2ml/ Lọ	Hoà chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: huyết thanh người, α -1 acidglycoprotein, Ferritin, α -1 antitrypsin, Haptoglobin, Anti-Streptolysin O, Immunoglobulin A, β -2 microglobulin, Immunoglobulin G, Ceruloplasmin, Immunoglobulin M, Complement 3, Prealbumin, Complement 4, Rheumatoid Factor, C-reactive protein, Transferrin; Chất kiểm chứng 1 mức	Mỹ	1x2ml/ Lọ	Lọ	5	3,434,088	17,170,440.00	
17	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	CRP LATEX CALIBRATOR NORMAL (N) SET Mã hàng hóa: ODC0026 Hãng sản xuất: Denka Co., Ltd., Nhật Bản Quy cách đóng gói: 5x2ml/ Hộp	Hoà chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	Nhật Bản	5x2ml/ Hộp	Hộp	1	23,456,139	23,456,139.00	
18	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Wash Solution Mã hàng hóa: ODR2000 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 1x5l/ Can	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%.	Ai-len	1x5l/ Can	Can	3	3,936,975	11,810,925.00	
19	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	SERUM PROTEIN MULTI-CALIBRATOR 1 Mã hàng hóa: ODR3021 Hãng sản xuất: Clinica Corporation, Mỹ Quy cách đóng gói: 6x2ml/ Hộp	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin, C-reactive protein; Chất hiệu chuẩn 6 mức; - Các giá trị hiệu chuẩn được gán sử dụng các nguyên liệu liệu tham chiếu theo tiêu chuẩn IFCC (IgG, IgA, IgM, C3, C4, Transferrin, CRP), WHO (ASO) và tiêu chuẩn quốc tế lần thứ 3 cho ferritin	Mỹ	6x2ml/ Hộp	Hộp	1	13,474,902	13,474,902.00	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
20	Đo hoạt độ ALT (GPT)	ALT Mã hàng hóa: OSR6107 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x50ml+4x25ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: Tris buffer pH 7,15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 500 U/L (0,05 – 8,33 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	Ai-len	4x50ml+4x25 ml/ Hộp	Hộp	6	3,702,447	22,214,682.00	
21	Đo hoạt độ AST (GOT)	AST Mã hàng hóa: OSR6109 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x25ml+4x25ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq 0,9$ kU/L; MDH $\geq 0,6$ kU/L; NADH 0,2mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 3 – 1000 U/L (0,05 – 16,7 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Ai-len	4x25ml+4x25 ml/ Hộp	Hộp	4	3,694,530	14,778,120.00	
22	Đo hoạt độ Amylase	α -AMYLASE Mã hàng hóa: OSR6106 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x40ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α -amylase; Thành phần: MES (pH 6,05) 36,1 mmol/L; Canxi acetat 3,60 mmol/L; NaCl 37,2 mmol/L; Kali thiocyanat 253 mmol/L; CNPG3 1,63 mmol/L; Phương pháp: CNPG3; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: 10 – 2000 U/L (0,2 – 33,3 μ kat/L); Nước tiểu: 5 – 4800 U/L (0,1 – 80 μ kat/L); Bước sóng: 410 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Ai-len	4x40ml/ Hộp	Hộp	7	11,380,560	79,663,920.00	
23	Định lượng Calci toàn phần	CALCIUM ARSENAZO Mã hàng hóa: OSR61117 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x29ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi toàn phần; Thành phần: Imidazol (pH 6,9), Arsenazo III 0,02%; Phương pháp: Arsenazo III; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1 – 5 mmol/L (4 – 20 mg/dL); Nước tiểu: 0,1 – 10 mmol/L (0,4 – 40 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 32 test	Ai-len	4x29ml/ Hộp	Hộp	0.5	5,880,843	2,940,421.25	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VND)	Ghi chú
24	Định lượng Triglycerid	TRIGLYCERIDE Mã hàng hóa: OSR61118 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x50ml+4x12.5ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: Dệm PIPES (pH 7,5) 50 mmol/L; Mg2+ 4,6 mmol/L; MADB 0,25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,5 mmol/L; ATP 1,4 mmol/L; Lipases 1,5 kU/L (25 µkat/L); Glycerol kinase 0,5 kU/L (8,3 µkat/L); Peroxidase 0,98 kU/L (16,3 µkat/L); Ascorbate oxidase 1,48 kU/L (24,6 µkat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1,48 kU/L (24,6 µkat/L); Phương pháp: Enzym; Dải tuyến tính: 0,1 – 11,3 mmol/L (10 – 1000 mg/dL); Bước sóng: 660 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 8 test	Ai-len	4x50ml+4x12.5ml/ Hộp	Hộp	3	6,714,715	20,144,145.00	
25	Định lượng Bilirubin toàn phần	TOTAL BILIRUBIN Mã hàng hóa: OSR61112 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x15ml+4x15ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Thành phần: Caffein 2,1 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborat 0,31 mmol/L; Chất hoạt động bề mặt; Phương pháp: DPD; Dải tuyến tính: 0,5–513 µmol/L (0,03–30 mg/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	Ai-len	4x15ml+4x15 ml/ Hộp	Hộp	0.5	3,196,568	1,598,283.75	
26	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase)	GGT Mã hàng hóa: OSR6020 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x18ml+4x18ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Thành phần: Glycylglycine, pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L; Phương pháp: Dựa trên khuyến cáo của IFCC; Dải tuyến tính: 5 - 1200 U/L (0,08 – 20,00 µkat/L); Bước sóng: 410 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Ai-len	4x18ml+4x18 ml/ Hộp	Hộp	3	2,271,980	6,815,938.50	
27	Định lượng Ferritin	FERRITIN Mã hàng hóa: OSR61203 Hãng sản xuất: Denka Co., Ltd., Nhật Bản Quy cách đóng gói: 4x24ml+4x12ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ferritin; Thành phần: Dung dịch đệm Glycin (R1: pH 8,3, R2: pH 7,3) 170 mmol/L; Các hạt Latex phủ kháng thể (thỏ) kháng ferritin (người); Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: 8,0 – 450 µg/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 5 test	Nhật Bản	4x24ml+4x12 ml/ Hộp	Hộp	1	45,469,998	45,469,998.00	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
28	Định lượng Glucose	GLUCOSE Mã hàng hóa: OSR6221 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x53ml+4x27ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP ≥ 2 mmol/L; NAD $^{+}$ $\geq 1,32$ mmol/L; Mg $^{2+}$ 2,37 mmol/L; Hexokinase $\geq 0,59$ kU/L; G6P-DH $\geq 1,58$ kU/L; Phương pháp: Enzymatic (hexokinase method); Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương/ dịch não tủy: 0,6 – 45,0 mmol/L, Nước tiểu: 0,2 – 45 mmol/L; Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu và dịch não tủy; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 13 test	Ai-len	4x53ml+4x27 ml/ Hộp	Hộp	5	5,396,624	26,983,120.00	
29	Định lượng Protein toàn phần	TOTAL PROTEIN Mã hàng hóa: OSR6132 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x25ml+4x25ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L; Phương pháp: Photometric; Dải tuyến tính: 30–120 g/L (3–12 g/dL); Bước sóng: 540nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Ai-len	4x25ml+4x25 ml/ Hộp	Hộp	2	2,328,858	4,657,716.00	
30	Định lượng Creatinin	CREATININE Mã hàng hóa: OSR6178 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x51ml+4x51ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Natri hydroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L; Phương pháp: Jaffe method; Dải tuyến tính: Huyết thanh/ huyết tương: Phương pháp A: 5 – 2200 μ mol/L (0,06 – 25,0 mg/dL); Phương pháp B: 18 – 2200 μ mol/L (0,2 – 25,0 mg/dL); Nước tiểu: 88 – 35360 μ mol/L (1 – 400 mg/dL); Bước sóng: 520 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	Ai-len	4x51ml+4x51 ml/ Hộp	Hộp	10	2,450,238	24,502,380.00	
31	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)	CK (NAC) Mã hàng hóa: OSR6179 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x22ml+4x4ml+4x6ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK; Thành phần: Imidazole (pH 6,5, 37°C) 100 mmol/L; NADP 2,0 mmol/L; ADP 2,0 mmol/L; Glucose AMP 5,0 mmol/L; EDTA 2,0 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; N-acetylcytosteine 0,2 mmol/L; Activator 26 mmol/L; Mg $^{2+}$ 10 mmol/L; Diadenosine pentaphosphate 0,01 mmol/L; HK $\geq 4,0$ kU/L; G6P-DH $\geq 2,8$ kU/L; Phương pháp: Dựa trên chuyển hóa của IFCC; Dải tuyến tính: 10 – 2000 U/L (0,17 – 33,33 μ kat/L); Bước sóng: 340 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 6 test	Ai-len	4x22ml+4x4ml +4x6ml/ Hộp	Hộp	2	4,441,469	8,882,937.00	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
32	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	LDL-CHOLESTEROL Mã hàng hóa: OSR6283 Hãng sản xuất: FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản Quy cách đóng gói: 4x51.3ml+4x17.1ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L; Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,25 - 10,3 mmol/L (10 - 400 ng/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	Nhật Bản	4x51.3ml+4x17.1ml/ Hộp	Hộp	8	35,709,860	285,678,876.00	
33	Định lượng Sắt	IRON Mã hàng hóa: OSR6186 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x15ml+4x15ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt; Thành phần: Đệm glycine (pH 1,7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4,7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0,5 mmol/L; Phương pháp: TPTZ; Dải tuyến tính: 2 - 179 µmol/L (10 - 1000 µg/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 10 test	Ai-len	4x15ml+4x15ml/ Hộp	Hộp	1	3,364,547	3,364,546.50	
34	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	HDL-CHOLESTEROL Mã hàng hóa: OSR6287 Hãng sản xuất: FUJIFILM Wako Pure Chemical Corporation, Nhật Bản Quy cách đóng gói: 4x51.3ml+4x17.1ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfinopropyl) - 3,5-dimethoxy - 4-fluoroaniline (F-DAOS) 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L; Phương pháp: Enzymatic; Dải tuyến tính: 0,05 - 4,65 mmol/L (2 - 180 mg/dL); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 4 test	Nhật Bản	4x51.3ml+4x17.1ml/ Hộp	Hộp	5	20,254,973	101,274,862.50	
35	Định lượng Acid Uric	URIC ACID Mã hàng hóa: OSR6198 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x30ml+4x12.5ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Đệm phosphate (pH 7,5) 42 mmol/L; MADB 0,15 mmol/L; 4-Aminophenazon 0,30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5,9 kU/L (98 µkat/L); Uricase ≥ 0,25 kU/L (4,15 µkat/L); Ascorbat Oxidase ≥ 1,56 kU/L (26 µkat/L); Phương pháp: Uricase; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 1,5-30 mg/dL (89-1785 µmol/L); Nước tiểu: 2-400 mg/dL (119-23800 µmol/L); Bước sóng: 660nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 11 test	Ai-len	4x30ml+4x12.5ml/ Hộp	Hộp	4	5,886,930	23,547,720.00	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
36	Định lượng CRP	CRP LATEX Mã hàng hóa: OSR6199 Hãng sản xuất: Denka Co., Ltd., Nhật Bản Quy cách đóng gói: 4x30ml+4x30ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao; Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phụ kháng thể kháng CRP < 0,5% w/v; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: Ứng dụng bình thường: 0,2-480 mg/L, Ứng dụng độ nhạy cao: 0,08-80 mg/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	Nhật Bản	4x30ml+4x30 ml/ Hộp	Hộp	20	16,282,688	325,653,760.00	
37	Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương	ALBUMIN Mã hàng hóa: OSR6202 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x54ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin; Thành phần: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0.2 mmol/L; Phương pháp: Bromocresol Green; Dải tuyến tính: 15 - 60 g/L (1,5 - 6,0 g/dL); Bước sóng: 600 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	Ai-len	4x54ml/ Hộp	Hộp	0.5	2,208,098	1,104,048.75	
38	Định lượng Bilirubin trực tiếp	DIRECT BILIRUBIN Mã hàng hóa: OSR6211 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x20ml+4x20ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0,08 mmol/L; Phương pháp: DPD; Bước sóng: 570 nm; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 5%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 7,5%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 16 test	Ai-len	4x20ml+4x20 ml/ Hộp	Hộp	0.5	8,091,111	4,045,555.50	
39	Định lượng Ure	UREA/AUREA NITROGEN Mã hàng hóa: OSR6234 Hãng sản xuất: Beckman Coulter Ireland Inc., Ai-len Quy cách đóng gói: 4x53ml+4x53ml/ Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ure; Thành phần: "Dệm Tris 100 mmol/L; NADH ≥ 0,26 mmol/L; Tetra Natri diphosphat 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarat ≥ 9,8 mmol/L; Urease ≥ 17,76 KU/L; ADP ≥ 2,6 mmol/L; GLDH ≥ 0,16 KU/L; Phương pháp: GLDH, đo UV đồng học; Dải tuyến tính: Huyết thanh, huyết tương: 5-300 mg/dL (0,8-50,0 mmol/L) Nước tiểu: 60-4500 mg/dL (10-750 mmol/L); Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương, nước tiểu; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 9 test	Ai-len	4x53ml+4x53 ml/ Hộp	Hộp	5	7,255,626	36,278,130.00	
40	Xy-lanh hút bệnh phẩm	S Syringe Mã hàng hóa: ZM011100 Hãng sản xuất: Quy cách đóng gói: 1 Cái	Được làm từ nhựa, thủy tinh, kim loại, dài 8 cm. Dùng để hút chính xác thể tích mẫu	Nhật Bản	1 Cái	Cái	1	12,718,728	12,718,728.00	
41	Xy-lanh hút hóa chất	R Syringe Mã hàng hóa: ZM011200 Hãng sản xuất: Quy cách đóng gói: 1 Chiếc	Được làm từ nhựa, thủy tinh, kim loại, dài 9 cm. Dùng để hút chính xác thể hóa chất	Nhật Bản	1 Chiếc	Chiếc	1	16,146,163	16,146,163.00	

STT	Danh mục hàng hóa	Ký, mã nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Xuất xứ	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
42	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	MAS UrichemTrak Mã hàng hóa: UR-MP Hãng sản xuất: Microgenics Corporation, Mỹ Quy cách đóng gói: 6x15ml/Hộp	Chất kiểm chứng dạng lỏng được sản xuất từ vật liệu có nguồn gốc từ con người dùng cho các xét nghiệm nước tiểu. Sản xuất từ chất nền là nước tiểu người có thêm amylase nước bọt của người, hCG có nguồn gốc từ nước tiểu người, albumin của người và b ₂ , chất bảo quản và chất ổn định	Mỹ	6x15ml/Hộp	Hộp	0.33	4,650,156	1,534,551.48	
Tổng cộng										
Số tiền bằng chữ: Một tỷ năm trăm mười chín triệu không trăm năm mươi nghìn năm trăm bảy mươi tư đồng/.										
									1,519,050,574	

Danh mục hóa chất dùng cho máy Akray HA-8180

STT	Danh mục	Ký mã hiệu	Tính năng, thông số kỹ thuật cơ bản	Hãng sản xuất/ Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	DVT	Số lượng	Giá Kế hoạch (Đã có VAT)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
1	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c (Eluent 80A)	71262	Phân tích định lượng HbA1c trong mẫu toàn phần Thành phần: Sodium azide: $\leq 0.01\%$; Oxidizing agent: $\leq 0.7\%$; Phosphate: $\leq 1\%$. Hộp: (4x 600 mL)	Arkray Factory, Inc/ Nhật Bản	Hộp (600mL x 4 Túi)	Túi	28	2,512,000	70,336,000	
2	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c (Eluent 80B)	71263	Phân tích định lượng HbA1c trong mẫu toàn phần Thành phần: Sodium azide: $\leq 0.06\%$; Oxidizing agent: $\leq 3\%$; Phosphate: $\leq 2\%$. Hộp: (2x 600 mL)	Arkray Factory, Inc/ Nhật Bản	Hộp (600mL x 2 Túi)	Túi	12	2,802,500	33,630,000	
3	Hóa chất xét nghiệm định lượng HbA1c (Eluent 80CV)	71278	Phân tích định lượng HbA1c trong mẫu máu toàn phần Thành phần: Sodium azide: $\leq 0.01\%$; Oxidizing agent: $\leq 0.3\%$; Phosphate: $\leq 1\%$. Hộp: (2x 600mL)	Arkray Factory, Inc/ Nhật Bản	Hộp (600mL x 2 Túi)	Túi	12	2,897,500	34,770,000	
4	Dung dịch pha loãng máu toàn phần và rửa đường ống	107349	Dung dịch dùng để pha loãng máu toàn phần và rửa đường ống. Thành phần: Sodium azide $\leq 0.02\%$; Phosphate $\leq 0.1\%$, Surfactant $\leq 0.1\%$. Hộp: (3x2L)	Arkray Factory, Inc/ Nhật Bản	Thùng (3 can x 2L)	Can	24	7,528,350	180,680,400	
5	Dung dịch kiểm chuẩn	71287	Chất kiểm chuẩn Thành phần: Hemoglobin, human: 13.0-15.0g/dL; Potassium Cyanide: $\leq 0.005\%$. Hộp: (Level 1: 4x0.25mL; Level 2: 4x0.25mL)	Canterbury Scientific Limited/ New Zealand	Level 1: 4x0.25mL Level 2: 4x0.25mL	Hộp	6	9,225,000	55,350,000	
6	Cột sắc ký	107345	Cột được chế tạo bằng vật liệu SUS (thép không gỉ) và nắp xoắn hai đầu được làm từ PEEK (polyether ether ketone) Thành phần: Hydrophilic polymer of methacrylate esters copolymer Hộp: 1 column	Arkray Factory, Inc/ Nhật Bản	1 cột	Hộp	3	27,539,825	82,619,475	
7	Dung dịch hiệu chuẩn	71266	Chất hiệu chuẩn Thành phần: Calibrator Low, Calibrator High: Human source hemoglobin $\leq 0.6\%$, Calibrator diluent: Phosphate $\leq 0.1\%$; Surfactant $\leq 0.1\%$. Hộp: (Low: 3mL x3, High: 3mL x 3, Diluent: 10mL x3)	Arkray Factory, Inc/ Nhật Bản	Low: 3mL x 3 High: 3mL x 3 Diluent: 10mL x 3	Hộp	1	5,850,000	5,850,000	
8	Dung dịch rửa đậm đặc	71237	Dung dịch rửa này được sử dụng để rửa sạch protein và chất béo từ mẫu bám vào các dụng cụ và thiết bị. Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không chứa ion, muối vô cơ pH (25°C): 6.5 - 8.5 Hộp: 250mL	Arkray Factory, Inc/ Nhật Bản	250 mL	Hộp	1	2,097,500	2,097,500	
Tổng cộng									465,333,375	
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng.										